



BẢN TIN CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

BẢN TIN NỘI BỘ CỦA VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA CHÍNH PHỦ

SỐ 30/2021
Từ 26/7 - 30/7/2021

TIN NỘI BẬT CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

TIN TRUNG ƯƠNG

CHỈ ĐẠO NỘI DUNG

*

TS. NGUYỄN TRỌNG THỪA
THỨ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ
PHÓ TRƯỞNG BAN BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

ÔNG PHẠM MINH HÙNG
VỤ TRƯỞNG
VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
BỘ NỘI VỤ
CHÁNH VĂN PHÒNG BAN CHỈ ĐẠO
CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH
CỦA CHÍNH PHỦ

BIÊN TẬP VÀ TRÌNH BÀY

*

**TRUNG TÂM THÔNG TIN
BỘ NỘI VỤ**

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ

**SỐ 8 TÔN THẤT THUYẾT
QUẬN NAM TỪ LIÊM - HÀ NỘI**

ĐIỆN THOẠI

024.62821016

EMAIL

BANTINBCDCCHC@MOHA.GOV.VN

WEBSITE

HTTP://WWW.MOHA.GOV.VN

TOÀN VĂN PHÁT BIỂU NHẬM CHỨC CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ PHẠM MINH CHÍNH

Chiều ngày 26/7, đồng chí Phạm Minh Chính, Thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021 (từ tháng 4/2021) đã được Quốc hội bầu giữ chức Thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026. Sau khi tuyên thệ nhậm chức trước Quốc hội và cử tri, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính đã có bài phát biểu nhậm chức. Trân trọng giới thiệu toàn văn bài phát biểu của Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính.



Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính phát biểu sau khi tuyên thệ nhậm chức.

Ảnh: VGP/Nhật Bắc

Kính thưa đồng chí Nguyễn Phú Trọng, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng!
Kính thưa các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam!

Kính thưa Chủ tọa phiên họp!

Kính thưa các vị đại biểu Quốc hội!

Thưa đồng bào, đồng chí và cử tri cả nước!

Trước hết, tôi xin trân trọng cảm ơn Quốc hội đã tin nhiệm bầu tôi giữ chức vụ Thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV. Tôi nhận thức rằng, đây là vinh dự lớn lao, đồng thời cũng là trách nhiệm hết sức nặng nề trước Đảng, Nhà nước, Quốc hội, Chính phủ, trước đồng bào cử tri cả nước.

Trong giờ phút trang nghiêm này, cho phép tôi thành kính bày tỏ lòng biết ơn vô hạn đến Chủ tịch Hồ Chí Minh vĩ đại - Anh hùng giải phóng dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới; xin tri ân các bậc lãnh đạo tiền bối, các đồng chí lão thành cách mạng, Mẹ Việt Nam anh hùng, anh hùng liệt sĩ, thương binh, bệnh binh; đồng bào, đồng chí, chiến sĩ cả nước và cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài, đã làm nên những kỳ tích cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc qua các thời kỳ, để đất nước ta có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay.

Tôi xin trân trọng cảm ơn sự lãnh đạo, chỉ đạo đúng đắn, sâu sát của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng, các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước; sự hỗ trợ, giúp đỡ của Thủ tướng Chính phủ, thành viên Chính phủ tiền nhiệm; chân thành cảm ơn sự đồng hành, giúp đỡ, chia sẻ của các vị đại biểu Quốc hội, của đồng bào chiến sĩ cả nước và đồng bào ta ở nước ngoài; của các nước bạn bè, tổ chức quốc tế đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thời gian qua.

Kính thưa Quốc hội và đồng bào, đồng chí!

Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV sẽ tiếp tục kế thừa và phát huy những kinh nghiệm quý báu, bài học hay của Chính phủ qua các thời kỳ; xây dựng Chính phủ và chính quyền các cấp đoàn kết, liêm chính; kỷ luật, kỷ cương; tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; năng động, đổi mới sáng tạo; thấm nhuần phương châm đặt lợi ích Quốc gia, Dân tộc lên trên hết, trước hết; “dân là gốc” và xuất phát từ quyền, lợi ích hợp pháp, nguyện vọng chính đáng của Nhân dân. Chủ động, tích cực triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo, 6 nhiệm vụ trọng tâm, 3 đột phá chiến lược, 12 nhiệm vụ, giải pháp mà Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIII và các Nghị quyết của Quốc hội đã đề ra; trong đó, tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm sau:

Trong bối cảnh tình hình dịch bệnh COVID-19 đang diễn biến hết sức phức tạp; Đảng, Nhà nước thấu hiểu, chia sẻ với Nhân dân những khó khăn, vất vả cả về tinh thần và vật chất khi phải tiến hành phong tỏa, cách ly. Với tư tưởng chỉ đạo “chống dịch như chống giặc” và vì mục tiêu cao nhất là bảo vệ sức khỏe, an ninh, an toàn của nhân dân; nhiệm vụ cấp bách, quan trọng hàng đầu hiện nay của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ là tập trung trí tuệ, nguồn lực, các biện pháp linh hoạt, sáng tạo, nhất là chiến lược vaccine; phát huy sức mạnh của cả hệ thống chính trị, tinh thần đại đoàn kết dân tộc; kêu gọi sự chung sức, đồng lòng, nâng cao ý thức chấp hành và tinh thần tương thân tương ái, “thương người như thể thương thân” của Nhân dân để chống dịch thành công; đồng thời, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững; tiếp tục xây dựng, đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ người dân, doanh nghiệp trong điều kiện khó khăn hiện nay.

Đẩy mạnh thực hiện nhiệm vụ then chốt là xây dựng Đảng trong sạch, vững mạnh, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, đảng viên trong Chính phủ và chính quyền các cấp, góp phần xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của Nhân dân, do Nhân dân, vì Nhân dân. Có biện pháp cụ thể để cải cách mạnh mẽ nền hành chính quốc gia, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong quản lý nhà nước và quản lý xã hội; khuyến khích, tạo môi trường thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp cống hiến, đóng góp vào sự nghiệp xây

dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền hợp lý, cá thể hóa trách nhiệm đi đôi với nâng cao năng lực cấp dưới; đồng thời tăng cường phối hợp, kiểm tra, giám sát và kiểm soát quyền lực. Phát huy tính chủ động, năng động sáng tạo ở các cấp; xây dựng cơ chế khuyến khích và bảo vệ cán bộ đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm vì lợi ích chung. Có kế hoạch, biện pháp cụ thể để kiên quyết, kiên trì thúc đẩy đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí, quan liêu, nhũng nhiễu, hách dịch, xa dân; xa rời mục tiêu, lý tưởng của Đảng.

Tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện thể chế phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Trước hết, chủ động phát hiện, tháo gỡ theo thẩm quyền những “rào cản”, “điểm nghẽn” về thể chế, cơ chế, chính sách làm trì trệ các hoạt động của nền kinh tế. Cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng; nâng cao khả năng thích ứng và sức chống chịu của nền kinh tế trong mọi điều kiện trên cơ sở phát huy cao độ tinh thần tự lực, tự cường, nội lực là cơ bản, quyết định, tranh thủ ngoại lực là quan trọng, cần thiết; bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, an ninh kinh tế, an ninh tài chính tiền tệ. Huy động, quản lý và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực cho đầu tư phát triển; đẩy mạnh hợp tác công - tư, sử dụng nguồn lực Nhà nước dẫn dắt, kích hoạt các nguồn lực ngoài Nhà nước, trên cơ sở bảo đảm hài hòa lợi ích, chia sẻ rủi ro giữa Nhà nước, Nhân dân và doanh nghiệp. Tích cực hơn nữa cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi, minh bạch, công bằng, bình đẳng cho các thành phần kinh tế, chủ thể sản xuất kinh doanh và người dân. Tập trung rà soát và đề xuất phương án xử lý kịp thời, hiệu quả những tổ chức tín dụng yếu kém, các dự án, công trình thua lỗ kéo dài; tích cực khắc phục những hạn chế, bất cập và nâng cao chất lượng, hiệu quả đầu tư công.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước gắn với phát triển kinh tế xanh, kinh tế nông nghiệp, bảo vệ tài nguyên, môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tạo đột phá trong phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng chiến lược đồng bộ hiện đại nhưng có trọng tâm, trọng điểm; phân bổ nguồn lực, giải quyết hài hòa, hợp lý, hiệu quả giữa các vùng phát triển động lực với những vùng còn nhiều khó khăn thách thức, vùng đồng bào dân tộc, miền núi, biên giới, hải đảo. Xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Phát triển mạnh mẽ giáo dục đào tạo, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế; xây dựng và hiện thực hóa chương trình chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số nhằm tạo động lực phát triển mới.

Đẩy mạnh phát triển văn hóa - xã hội, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội hài hòa với phát triển kinh tế. Phát huy giá trị văn hóa, sức mạnh con người Việt Nam, khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; phát huy truyền thống, lịch sử hào hùng; xây dựng nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc; xác định đây là những nguồn lực quan trọng cho phát triển đất nước. Lấy con người là trung tâm, chủ thể, vừa là mục tiêu cao nhất, vừa là động lực quan trọng nhất của sự phát triển. Tuyệt đối không “hy sinh” tiến bộ, công bằng xã hội, giá trị văn hóa, bảo vệ môi trường để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Chú trọng chăm lo, nâng

cao phúc lợi xã hội, an sinh xã hội, giảm nghèo thực chất, bền vững. Phát huy ưu thế dân số vàng và chủ động thích ứng với xu thế già hoá dân số của đất nước ta.

Tiếp tục củng cố tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ thiêng liêng của Tổ quốc; bảo đảm an ninh trật tự, an toàn xã hội, nhất là an ninh con người. Cụ thể hóa thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, chủ động, tích cực hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, có hiệu quả; là bạn bè tốt, là đối tác tin cậy và là thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế. Kiên trì giải quyết các tranh chấp về chủ quyền lãnh thổ, biển đảo bằng biện pháp hoà bình, trên cơ sở luật pháp quốc tế; giữ vững môi trường hoà bình, ổn định để phát triển nhanh và bền vững đất nước trong điều kiện mới.

Kính thưa Quốc hội và đồng bào, đồng chí!

Chính phủ và cá nhân tôi nguyện cống hiến hết sức mình phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân, thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn mà Hiến pháp, pháp luật quy định, là cơ quan chấp hành của Quốc hội. Đồng thời, luôn chấp hành sự lãnh đạo, chỉ đạo của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư, của đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng. Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV tin tưởng và mong muốn sẽ luôn nhận được sự giám sát, hỗ trợ và ủng hộ tích cực của cả hệ thống chính trị, của Quốc hội, Chủ tịch nước, các cơ quan Tư pháp, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, các đồng chí nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước; các cơ quan thông tấn báo chí; đồng bào trong và ngoài nước để Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ hoàn thành trọng trách cao cả mà Đảng, Nhà nước và Nhân dân tin tưởng giao phó.

Kính thưa Quốc hội và đồng bào, đồng chí!

Một lần nữa, tôi xin trân trọng cảm ơn và kính chúc các đồng chí lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các vị đại biểu Quốc hội, đồng bào và cử tri cả nước mạnh khỏe, hạnh phúc và nhiều thắng lợi. Tôi xin chúc Kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XV thành công tốt đẹp.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nguồn: baohinhphu.vn

CƠ CẤU THÀNH VIÊN CHÍNH PHỦ GỒM 27 THÀNH VIÊN, CÓ 4 PHÓ THỦ TƯỚNG, 18 BỘ TRƯỞNG, 4 THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN NGANG BỘ

Với 479/479 đại biểu tham gia biểu quyết tán thành, sáng ngày 28/7, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về cơ cấu số lượng thành viên Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Theo Nghị quyết được thông qua, cơ cấu số lượng thành viên Chính phủ nhiệm kỳ Quốc hội khóa XV có 27 thành viên, gồm: Thủ tướng Chính phủ; 4 Phó Thủ tướng Chính phủ; 18 Bộ trưởng các Bộ; 4 Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ.

4 Phó Thủ tướng Chính phủ dự kiến phân công chỉ đạo các lĩnh vực sau: (1) Ngoại giao và hội nhập quốc tế, xây dựng pháp luật, tổ chức bộ máy, tôn giáo, dân tộc; (2) Kinh tế tổng hợp và thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo; (3) Kinh tế ngành; (4) Khoa giáo - Văn xã.

18 thành viên Chính phủ là Bộ trưởng các Bộ: Quốc phòng; Công an; Ngoại giao; Nội vụ; Tư pháp; Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Công Thương; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Giao thông vận tải; Xây dựng; Tài nguyên và Môi trường; Thông tin và Truyền thông; Lao động-Thương binh và Xã hội; Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Khoa học và Công nghệ; Giáo dục và Đào tạo; Y tế.

4 thành viên Chính phủ là Thủ trưởng cơ quan ngang bộ: Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Tổng Thanh tra Chính phủ; Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ.

Nguồn: baochinhphu.vn

KIP THỜI THÁO GỠ CÁC KIẾN NGHỊ VỀ QUY ĐỊNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ nay đến ngày 30/9/2021, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Tổng Giám đốc Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quan tâm chỉ đạo các đơn vị trực thuộc nghiên cứu, tiếp thu và đưa vào rà soát, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn, xử lý dứt điểm các kiến nghị, đề xuất của các hiệp hội, doanh nghiệp, địa phương về các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh.

Đây là một trong những nội dung trong công văn của Văn phòng Chính phủ vừa gửi Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Tổng Giám đốc Bảo hiểm Xã hội Việt Nam để thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 12/5/2020 của Chính phủ, trên cơ sở nhiệm vụ Chính phủ giao tại Nghị quyết số 75/NQ-CP ngày 14/7/2021.

Ngoài nội dung trên, từ nay đến ngày 30/9/2021, Văn phòng Chính phủ đề nghị Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Tổng Giám đốc Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quan tâm chỉ đạo các đơn vị trực thuộc đẩy mạnh tổ chức tham vấn trực tuyến, lấy ý kiến các bên liên quan về phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực quản lý, trình Thủ tướng Chính phủ phương án bảo đảm đạt tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa được giao tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021 của Chính phủ.

Chỉnh sửa, hoàn thiện kết quả thống kê, tính chi phí tuân thủ các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh đang có hiệu lực thi hành thuộc phạm vi quản lý trên phần mềm thống kê, rà soát, tính chi phí tuân thủ tại địa chỉ <http://nq68.baocaochinhphu.gov.vn>; tổ chức trao

đổi, thống nhất kết quả thực hiện (trích xuất trên phần mềm) với Văn phòng Chính phủ, bảo đảm dữ liệu được cập nhật đầy đủ, chính xác, kịp thời.

Hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ, cơ quan

Từ nay đến cuối năm 2021, kiểm soát chặt chẽ việc ban hành quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong dự án, dự thảo văn bản quy phạm pháp luật, bảo đảm chỉ ban hành và duy trì những quy định thực sự cần thiết, hợp lý, hợp pháp và có chi phí tuân thủ thấp.

Dự thảo và ban hành theo thẩm quyền, hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực thi phương án cắt giảm, đơn giản hóa các quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ thông qua.

Hoàn thành tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến và đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 01/01/2021, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2021, Nghị quyết số 58/NQ-CP ngày 08/6/2021 của Chính phủ, Quyết định số 406/QĐ-TTg ngày 22/3/2021 và Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Xây dựng, hoàn thiện Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ, cơ quan theo đúng yêu cầu của Nghị định số 09/2019/NĐ-CP ngày 24/01/2019 quy định chế độ báo cáo của cơ quan hành chính nhà nước và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ; bảo đảm 100% Hệ thống thông tin báo cáo, Hệ thống thông tin thống kê và Hệ thống thông tin phân tích dự báo của các Bộ, cơ quan kết nối, tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; 50% các chế độ báo cáo thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được triển khai trên Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ, cơ quan và kết nối với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ; 50% các chế độ báo cáo thuộc phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan không phải báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được triển khai trên Hệ thống thông tin báo cáo của Bộ, cơ quan.

Các Hệ thống thông tin, Cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành theo danh mục được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kết nối, tích hợp với Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; 100% chỉ tiêu kinh tế - xã hội theo Quyết định số 293/QĐ-TTg ngày 24/02/2020 của Thủ tướng Chính phủ, 100% các chỉ tiêu chủ yếu của Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 cung cấp, tích hợp trên Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Phối hợp xây dựng Đề án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính

Ngoài ra, tăng cường gửi, nhận và xử lý hồ sơ công việc trên môi trường điện tử, chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu, bảo đảm 100% các vụ, cục và tương đương thuộc bộ, cơ quan (trừ hồ sơ mật) trên môi trường điện tử.

Phối hợp chặt chẽ với Văn phòng Chính phủ trong quá trình xây dựng Đề án phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính, đẩy mạnh phân cấp trong giải quyết thủ tục hành chính theo hướng cấp nào sát cơ sở, sát nhân dân nhất thì giao cấp đó giải quyết, không để tình trạng nhiều tầng nấc, kéo dài thời gian giải quyết và gây những nhiễu, tiêu cực; triển khai rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước theo yêu

cầu tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

Nguồn: nangluccanhtranh.chinhphu.vn

BỘ TÀI CHÍNH: CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH, ỨNG DỤNG HIỆU QUẢ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Bộ Tài chính chủ động triển khai kế hoạch cải cách hành chính và xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số và nền kinh tế số, đặc biệt đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, điện tử hóa trong lĩnh vực thuế, hải quan để hỗ trợ người dân và doanh nghiệp.

Chủ động cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính

Xác định công tác cải cách hành chính là một trong những giải pháp hàng đầu, đóng vai trò thúc đẩy hoàn thành các mục tiêu của ngành, ngay từ cuối năm 2020, Bộ Tài chính đã xây dựng và ký Quyết định số 2295/QĐ-BTC ngày 30/12/2020 ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 với những nhiệm vụ, giải pháp quan trọng nhằm tiếp tục đẩy mạnh và triển khai có hiệu quả công tác cải cách hành chính.

Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 của Bộ Tài chính đã bám sát 7 nội dung của công tác cải cách hành chính, đề ra 56 nhóm nhiệm vụ với 182 sản phẩm/hoạt động đầu ra cụ thể, xác định rõ căn cứ, trách nhiệm của từng đơn vị chủ trì, phối hợp cũng như tiến độ rõ ràng.

Cho đến nay, Bộ Tài chính đã triển khai thực hiện 137/182 nhiệm vụ, trong đó đã hoàn thành 35 nhiệm vụ, triển khai 50 nhiệm vụ thường xuyên có hiệu quả và đảm bảo tiến độ, đang tiếp tục thực hiện 52 nhiệm vụ theo kế hoạch.

Công tác cải cách thủ tục hành chính cũng được Bộ Tài chính đẩy mạnh, việc xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật có quy định thủ tục hành chính theo hướng kiểm soát chặt chẽ việc ban hành thủ tục hành chính, đánh giá tác động thủ tục hành chính đầy đủ kết hợp với nghiên cứu cắt giảm, đơn giản hóa.

Trong 6 tháng đầu năm 2021, Bộ Tài chính tiếp tục thực hiện kiểm soát chặt chẽ các thủ tục hành chính thuộc phạm vi thẩm quyền quản lý nhằm mục tiêu cải cách thủ tục hành chính một cách toàn diện và hiệu quả, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp để cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Về công tác đánh giá tác động thủ tục hành chính, lũy kế từ ngày 15/12/2020 đến ngày 30/6/2021, Bộ Tài chính đã thực hiện đánh giá tác động đối với 120 thủ tục hành chính tại các dự thảo văn bản quy phạm pháp luật thuộc lĩnh vực thuế, bảo hiểm, tài chính ngân hàng, hải quan. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính đã lựa chọn các phương án, giải pháp tối ưu cho việc ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực quản lý của mình.

Bộ Tài chính tiếp tục vận hành mô hình tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa tại trụ sở cơ quan bộ ổn định và hiệu quả. Lũy kế từ ngày 15/12/2020 đến hết ngày 30/6/2021, Bộ phận một cửa của Bộ Tài chính đã tiếp nhận 656 hồ sơ thủ tục hành chính thuộc 5 lĩnh vực (bảo hiểm, kế toán - kiểm toán, tin học, giá, tài chính ngân hàng) và đã trả kết quả cho cá nhân, tổ chức 490 hồ sơ đảm bảo 100% đúng hạn; số hồ sơ đang giải quyết trong hạn là 166 hồ sơ, không có hồ sơ quá hạn.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin thuế, hải quan

Với phương châm lấy doanh nghiệp và người là trung tâm cải cách, các đơn vị thuộc ngành Tài chính, trong đó có khôi thuế, hải quan đã đẩy mạnh triển khai các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý.

Theo thông tin từ Tổng cục Thuế, đến nay hệ thống khai thuế điện tử đã được triển khai tại 63/63 tỉnh, thành phố và 100% chi cục thuế trực thuộc, với 830.581 doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ khai thuế điện tử. Tổng cục Thuế đã phối hợp với 55 ngân hàng thương mại và 63 cục thuế triển khai dịch vụ nộp thuế điện tử và tuyên truyền, vận động doanh nghiệp tham gia sử dụng dịch vụ.

Tổng cục Thuế cũng đã triển khai hoàn thuế điện tử tại 63 tỉnh, thành phố; tiếp tục hỗ trợ cho các doanh nghiệp tham gia thí điểm hóa đơn điện tử có mã của cơ quan thuế tại TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh, TP. Đà Nẵng. Đồng thời, ngành Thuế hoàn thành triển khai khai thuế điện tử đối với hoạt động cho thuê tài sản (trong đó có hoạt động cho thuê nhà) tại 63 cục thuế và các chi cục thuế trực thuộc.

Tổng cục Thuế cũng đã kết nối với 7 ngân hàng thương mại để cung cấp dịch vụ nộp thuế điện tử cho cá nhân; đã triển khai khai lệ phí trước bạ điện tử đối với ô tô, xe máy tại Cục Thuế TP. Hà Nội và TP. Hồ Chí Minh; mở rộng dịch vụ thanh toán trực tuyến nghĩa vụ tài chính về đất đai của hộ gia đình, cá nhân.

Cùng với mục đích nhằm tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, Tổng cục Hải quan đã đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quá trình làm thủ tục hải quan nói riêng và hoạt động xuất nhập khẩu nói chung với những kết quả nổi bật.

Tổng cục Hải quan đã phối hợp với các Bộ, ngành để hoàn thành triển khai 226 thủ tục hành chính trên Cơ chế một cửa quốc gia trong nửa đầu năm 2021, với xấp xỉ 3,89 triệu hồ sơ của 47,7 nghìn doanh nghiệp tham gia. Tiếp tục quản lý, giám sát và đảm bảo vận hành Hệ thống thông quan tự động VNACCS/VCIS và các hệ thống công nghệ thông tin tập trung của ngành Hải quan ổn định 24/7, đảm bảo an ninh, an toàn, đường truyền thông suốt phục vụ đặc lực cho việc thông quan hàng hóa xuất nhập khẩu.

Đặc biệt đến nay, Tổng cục Hải quan đã xây dựng và triển khai thành công Hệ thống Quản lý hải quan tự động tại cảng, kho, bãi (VASSCM) tại 33/35 cục hải quan tỉnh, thành phố, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp cảng, kho, bãi, giảm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp xuất nhập khẩu, tăng cường hiệu quả giám sát của cơ quan hải quan.

Nguồn: thoibaotaichinhvietnam.vn

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM: CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH, PHÁT HUY TRÁCH NHIỆM NGƯỜI ĐỨNG ĐẦU

Trong bối cảnh dịch COVID-19, để góp phần cùng cả nước vừa chống dịch hiệu quả vừa phát triển kinh tế, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam xác định mục tiêu tiếp tục cải cách thủ tục hành chính. Đặc biệt, ngành Bảo hiểm Xã hội sẽ tăng cường trách nhiệm người đứng đầu đơn vị trong chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ được giao trong tình hình mới.

Trách nhiệm người đứng đầu

Tổng Giám đốc Bảo hiểm Xã hội Việt Nam Nguyễn Thế Mạnh ký ban hành Chỉ thị 2165/CT-BHXH về tăng cường trách nhiệm người đứng đầu đơn vị trong chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính; phòng chống tham nhũng, lãng phí, đạo đức công vụ, quy tắc ứng xử; cải cách thủ tục hành chính, phối hợp tổ chức thực hiện nhiệm vụ trong tình hình mới của ngành Bảo hiểm Xã hội Việt Nam.

Theo đó, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam xác định mục tiêu tạo chuyển biến trong thời gian tới, đặc biệt trong bối cảnh dịch COVID-19 trong nước và thế giới còn có những diễn biến rất phức tạp, khó lường. Bên cạnh đó là nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ người tham gia và thụ hưởng chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp.

Để đạt được mục tiêu trên, Tổng Giám đốc Bảo hiểm Xã hội Việt Nam Nguyễn Thế Mạnh yêu cầu: Người đứng đầu (gồm cả cấp phó) các đơn vị thuộc hệ thống Bảo hiểm Xã hội Việt Nam tăng cường vai trò, trách nhiệm trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành theo thẩm quyền, thực hiện cải cách thủ tục hành chính; nâng cao tinh thần phối hợp trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Đặc biệt là vai trò của thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Bảo hiểm Xã hội Việt Nam; Giám đốc Bảo hiểm Xã hội cấp tỉnh, cấp huyện.

Ông Mạnh cũng yêu cầu người đứng đầu các đơn vị tiếp tục công bố, cập nhật và công khai thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định, kịp thời, đầy đủ, chính xác, thống nhất, minh bạch; tạo thuận lợi tối đa cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

Các đơn vị tiếp nhận, xử lý kịp thời và trả lời đầy đủ phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp về vướng mắc khó khăn trong thực hiện chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp thuộc thẩm quyền giải quyết; báo cáo những vấn đề vượt thẩm quyền nếu có. Người đứng đầu các đơn vị cũng cần nêu cao trách nhiệm trong việc lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, không để cơ quan, đơn vị xảy ra tình trạng gây phiền hà cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ. Phân công nhiệm vụ rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ kết quả của công chức viên chức và người lao động thuộc quyền quản lý.

Người đứng đầu lãnh đạo, chỉ đạo đơn vị hoàn thành các chỉ tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm của ngành tại cơ quan, đơn vị phụ trách; giải quyết dứt điểm các công việc còn tồn đọng, quá hạn; chủ động phối hợp với các đơn vị trong và ngoài ngành trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ.

Thực hiện hiệu quả mục tiêu “kép”

Tổng Giám đốc Bảo hiểm Xã hội Việt Nam Nguyễn Thế Mạnh yêu cầu người đứng đầu các đơn vị toàn ngành triển khai biện pháp chỉ đạo, điều hành để vừa thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ chính trị vừa bảo đảm phòng, chống dịch COVID-19.

Đồng thời, các đơn vị thực hiện nghiêm túc và có hiệu quả Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng (gói an sinh lần 2 trị giá 26.000 tỷ đồng).

Người đứng đầu ngành Bảo hiểm Xã hội cũng lưu ý người đứng đầu các đơn vị một số nhiệm vụ trọng tâm, như: Các đơn vị phải chủ động xây dựng kịch bản, phương án điều hành tổ chức thực hiện nhiệm vụ linh hoạt, phù hợp theo chỉ đạo của Chính phủ, Bảo hiểm Xã hội Việt Nam, cấp ủy, chính quyền địa phương. Trong đó, các đơn vị tạo thuận lợi tối đa để giải quyết các chế độ, chính sách hỗ trợ với người lao động, người sử dụng lao động bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 trong Nghị quyết số 68/NQ-CP.

Trong bối cảnh dịch COVID-19 diễn biến phức tạp, tác động tới mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, công tác đảm bảo an sinh xã hội luôn được Đảng, Nhà nước ta coi trọng, đặt lên hàng đầu.

Thực hiện chỉ đạo của Chính phủ, thời gian qua, toàn ngành Bảo hiểm Xã hội Việt Nam đã không ngừng nỗ lực, thực hiện đồng bộ các giải pháp, như: đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, tăng cường kỷ cương, phát huy vai trò trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị...

Qua đó xây dựng hình ảnh ngành Bảo hiểm Xã hội hiện đại, chuyên nghiệp, vì sự hài lòng của tổ chức và cá nhân. Đặc biệt, trong việc đảm bảo tốt nhất quyền lợi của người lao động và doanh nghiệp gặp khó khăn bởi dịch COVID-19.

Nguồn: tienphong.vn

CẦN CHẤM DỨT CƠ CHẾ XIN - CHO TRONG LĨNH VỰC ĐẦU TƯ CÔNG

Đại biểu Vũ Thị Lưu Mai nêu thực trạng có những cá nhân khi được giao nhiệm vụ phân bổ vốn đầu tư công đã tự cho mình quyền ban phát và câu chuyện về cơ chế xin - cho không biết khi nào mới kết thúc. Đây là vấn đề cần hết sức lưu tâm trong thời gian tới.

Chiều ngày 27/7, Quốc hội thảo luận ở hội trường về nhiều nội dung quan trọng cho 5 năm tới: Kế hoạch tài chính 5 năm quốc gia giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 - 2025; Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

Về đầu tư công, Đại biểu Trần Văn Tiên (Đoàn Đại biểu Quốc hội Vĩnh Phúc) ghi nhận một số kết quả tích cực trong đầu tư công nhưng chỉ rõ vẫn còn những hạn chế, tồn tại như phân cấp phân quyền chưa rõ, trình tự thủ tục đầu tư công còn phức tạp, chi đầu tư từ ngân sách Trung ương chưa giữ vai trò chủ đạo, tiến độ một số dự án trọng điểm còn chậm...

Đồng tình với phương án đầu tư công giai đoạn 2021 - 2025 Chính phủ trình, bố trí đủ vốn cho dự án trọng điểm quốc gia và 3 chương trình mục tiêu quốc gia, Đại biểu đề nghị, cần tập trung hoàn thiện thể chế đầu tư công, tăng cường phân cấp phân quyền gắn với trách nhiệm trong đầu tư công, khắc phục giải ngân chậm, thanh toán dứt điểm và thu hồi toàn bộ vốn ứng trước, đẩy mạnh đầu tư theo phương thức Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

Phó Chủ nhiệm Ủy ban Tài chính Ngân sách Vũ Thị Lưu Mai thì phân tích, vốn đầu tư công phải được hiểu là tiền thuế của nhân dân, kể cả vốn đi vay thì người trả cũng sẽ là nhân dân, đó không phải là sở hữu của bất kỳ cơ quan, tổ chức, cá nhân nào. Tuy nhiên, có những cá nhân khi được giao nhiệm vụ phân bổ vốn đã tự cho mình quyền ban phát và câu chuyện về cơ chế xin - cho không biết khi nào mới kết thúc.

Vì vậy, nữ Đại biểu kiến nghị cần hết sức lưu tâm vấn đề này trong thời gian tới. Đồng thời, cần đề cao hơn nữa tính công khai, minh bạch trong quá trình tổ chức thực hiện. Bên cạnh động viên những địa phương thực hiện tốt cần xử lý nghiêm những trường hợp vi phạm đạo đức công vụ.

Nhiều đại biểu Quốc hội nhất trí với tinh thần đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, đồng bộ, hiện đại, tập trung cho các lĩnh vực ưu tiên, vùng động lực, vùng khó khăn, khu vực chịu ảnh hưởng lớn bởi dịch bệnh, thiên tai, biến đổi khí hậu, các công trình, dự án trọng điểm có sức lan tỏa cao; các chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia; bảo đảm cơ cấu đầu tư hài hòa, hợp lý, hiệu quả giữa các vùng, miền, lĩnh vực, vừa gia tăng động lực tăng trưởng, vừa bảo đảm an sinh xã hội, thu hẹp chênh lệch vùng miền và khoảng cách giàu - nghèo.

Các đại biểu nhấn mạnh phương hướng lấy đầu tư công dẫn dắt, kích hoạt các nguồn lực ngoài nhà nước, nhất là đối với đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng theo phương thức đối tác công tư; tăng cường phân cấp, phân quyền, tăng công khai, minh bạch, khắc phục những hạn chế, tồn tại lâu nay như chậm giải ngân vốn hay vấn đề thủ tục...

Các đại biểu cũng kiến nghị cần kiên quyết khắc phục tình trạng đầu tư manh mún, dàn trải, phân tán, lãng phí, kém hiệu quả; xóa bỏ cơ chế "xin cho", tham nhũng, lợi ích nhóm và các hạn chế, bất cập; đẩy mạnh phân cấp, phân quyền đi đôi với tăng cường giám sát, kiểm tra; khen thưởng, kỷ luật kịp thời, nghiêm minh; linh hoạt, kịp thời tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc, nhất là về thể chế, thủ tục hành chính, giải phóng mặt bằng để đẩy mạnh việc thực hiện và giải ngân dự án...

Nguồn: baophapluat.vn

MỘT SỐ ĐỀ XUẤT MỚI:

* Bộ Khoa học và Công nghệ: Vị trí việc làm và định mức biên chế công chức ngành Khoa học và Công nghệ

Bộ Khoa học và Công nghệ đang dự thảo Thông tư hướng dẫn vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp và định mức số người làm việc trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Theo dự thảo, căn cứ xác định vị trí việc làm, số lượng người làm việc và cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp theo các quy định tại Điều 4 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; kế hoạch và lộ trình giảm số người làm việc hưởng lương từ ngân sách Nhà nước theo quy định của Chính phủ.

Nguyên tắc xác định vị trí việc làm, số lượng người làm việc phải bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các quy định pháp luật chuyên ngành trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Việc xác định vị trí việc làm, số lượng người làm việc được thực hiện ở từng tổ chức khoa học và công nghệ công lập có tư cách pháp nhân, có con dấu, tài khoản riêng theo quy định của pháp luật. Tổ chức khoa học và công nghệ công lập thuộc và trực thuộc tổ chức khoa học và công nghệ khác thực hiện việc báo cáo và thẩm định đề án vị trí việc làm theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập.

Định mức số lượng viên chức lãnh đạo, quản lý

Dự thảo nêu rõ định mức số lượng viên chức lãnh đạo, quản lý trong một tổ chức khoa học và công nghệ công lập. Cụ thể, người đứng đầu bao gồm người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập và người đứng đầu các đơn vị cấu thành tổ chức khoa học và công nghệ công lập mà không phải là pháp nhân độc lập (nếu có).

Số lượng cấp phó bao gồm cấp phó của người đứng đầu tổ chức khoa học và công nghệ công lập và số lượng cấp phó của người đứng đầu đơn vị cấu thành của tổ chức khoa học và công nghệ công lập mà không phải là pháp nhân độc lập (nếu có) được thực hiện theo quy định tại Khoản 2, 3 Điều 6 Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 7/10/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập.

Cơ cấu viên chức

Bên cạnh đó, dự thảo cũng quy định rõ cơ cấu viên chức theo từng hạng chức danh nghề nghiệp trong tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện theo quy định sau: a) Tổng số viên chức với chức danh nghề nghiệp hạng I, hoặc tương đương không quá 15% trong tổng số người làm việc tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành. b) Tổng số viên chức với chức danh nghề nghiệp hạng II, hoặc tương đương không quá 35% trong tổng số người làm việc tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành.

c) Tổ chức khoa học và công nghệ công lập căn cứ vào khối lượng và mức độ phức tạp của công việc từ kết quả thống kê và phân nhóm công việc thuộc các vị trí việc làm chức danh lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành Khoa học và Công nghệ, đối chiếu với các quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp hiện hành để xác định số người làm việc đối với từng hạng chức danh nghề nghiệp từ các vị trí việc làm đã xác định.

Cơ cấu viên chức theo tính chất, nội dung công việc bao gồm: Số người làm việc tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên ngành và chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung chiếm tỷ lệ tối thiểu 65% tổng số người làm việc của tổ chức, đơn vị; số người làm việc tại các vị trí việc làm chức danh nghề nghiệp chuyên môn dùng chung chiếm tỷ lệ tối thiểu 15% tổng số người làm việc của tổ chức, đơn vị.

*** Thanh tra Chính phủ: Quy định về tổ chức, hoạt động của đoàn thanh tra**

Thanh tra Chính phủ đang lấy ý kiến góp ý của Nhân dân đối với dự thảo Thông tư quy định về tổ chức, hoạt động của đoàn thanh tra và trình tự, thủ tục tiến hành một cuộc thanh tra.

Dự thảo nêu rõ, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thủ trưởng cơ quan hành chính nhà nước có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc cơ quan thanh tra và các cơ quan thuộc thẩm quyền quản lý của mình trong công tác thanh tra; giải quyết khó khăn, vướng mắc, xử lý kịp thời kiến nghị về thanh tra và chỉ đạo, tổ chức thực hiện kết luận thanh tra theo quy định của pháp luật.

Người ra quyết định thanh tra có trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo đoàn thanh tra, bảo đảm nguyên tắc của hoạt động thanh tra, bảo đảm cuộc thanh tra được thực hiện đúng pháp luật, đúng mục đích, yêu cầu; giải quyết kịp thời các phản ánh, kiến nghị của đoàn thanh tra; các khiếu nại, phản ánh, kiến nghị, tố cáo liên quan đến hoạt động của đoàn thanh tra.

Các trường hợp không được tham gia đoàn thanh tra

Theo dự thảo, người thuộc một trong các trường hợp sau đây không được tham gia đoàn thanh tra: a) Người có cổ phần tại doanh nghiệp là đối tượng thanh tra, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác; b) Người có vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột là người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu, người phụ trách công tác tổ chức nhân sự, kế toán, thủ quỹ, thủ kho trong cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng thanh tra; c) Người đang trong thời gian bị xem xét xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; d) Người có hành vi vi phạm bị xử lý mà chưa hết thời hạn xóa kỷ luật, xóa án tích; đ) Người không đủ các điều kiện khác để tham gia đoàn thanh tra theo quy định của pháp luật.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng nêu rõ, người thuộc một trong các trường hợp sau đây không được làm trưởng đoàn thanh tra: a) Thuộc một trong các trường hợp quy định trên; b) Người có vợ hoặc chồng, bố, mẹ đẻ, bố, mẹ vợ hoặc bố, mẹ chồng, con, anh, chị, em ruột, hoặc anh, chị, em ruột của vợ hoặc chồng làm việc tại cơ quan, tổ chức, đơn vị là đối tượng thanh tra.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao chủ trì cuộc thanh tra có trách nhiệm kiểm tra, rà soát để phát hiện các trường hợp không được tham gia đoàn thanh tra trước khi trình người có thẩm quyền ra quyết định thanh tra.

Thu thập, kiểm tra thông tin, tài liệu

Dự thảo cũng quy định việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra. Trong quá trình thanh tra, trưởng đoàn thanh tra, thành viên đoàn thanh tra yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo theo đề cương; yêu cầu đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu liên quan đến nội dung thanh tra.

Đối với những hồ sơ, tài liệu không cần thu giữ thì người nhận hồ sơ, tài liệu trả lại cho đối tượng thanh tra, cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan; thời gian trả hồ sơ, tài liệu chậm nhất khi kết thúc việc thanh tra trực tiếp.

Trưởng đoàn thanh tra, thành viên đoàn thanh tra có trách nhiệm nghiên cứu các thông tin, tài liệu đã thu thập được; đánh giá việc thực hiện chính sách, pháp luật, nhiệm vụ, quyền hạn của đối tượng thanh tra liên quan đến nội dung thanh tra được phân công; yêu cầu người có trách nhiệm, người có liên quan giải trình về những vấn đề chưa rõ; trường hợp cần làm việc trực tiếp với đối tượng thanh tra, người có liên quan thì thành viên đoàn thanh tra báo cáo trưởng đoàn thanh tra xem xét, quyết định.

Trong trường hợp cần kiểm tra, xác minh thông tin, tài liệu hoặc làm rõ những vấn đề có liên quan đến nội dung thanh tra thì trưởng đoàn thanh tra, người ra quyết định thanh tra mời đối tượng thanh tra, đại diện cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc cá nhân có liên quan đến làm việc hoặc yêu cầu đối tượng thanh tra báo cáo.

*** Thẩm quyền thanh tra trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ**

Thanh tra Chính phủ đang dự thảo Thông tư quy định về thẩm quyền, nội dung thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, trong đó nêu rõ thẩm quyền thanh tra trách nhiệm của Thanh tra Chính phủ.

Cụ thể, Thanh tra Chính phủ thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (cấp bộ), Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (cấp tỉnh); doanh nghiệp nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập; cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập thuộc cơ quan hành chính nhà nước.

Trong quá trình tiến hành thanh tra trách nhiệm, Thanh tra Chính phủ xem xét, đánh giá việc thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng đối với các Bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan gồm:

a) Văn phòng bộ, các tổng cục, cục, vụ, đơn vị trực thuộc bộ, các doanh nghiệp nhà nước do Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (gọi chung là Bộ trưởng) quyết định thành lập và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thuộc quyền quản lý của Bộ.

b) Văn phòng Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, các cơ quan chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (cấp sở), Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (cấp huyện), doanh nghiệp nhà nước do chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập và các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thuộc quyền quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Văn

phòng, các phòng, ban nghiệp vụ của doanh nghiệp nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập và các tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thuộc quyền quản lý của doanh nghiệp đó.

Việc thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng đối với các doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài nhà nước được thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 59 Nghị định số 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

Bên cạnh đó, dự thảo cũng nêu rõ thẩm quyền xem xét, xác minh đối với cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác. Theo đó, trong quá trình tiến hành thanh tra trách nhiệm thực hiện pháp luật về thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, căn cứ vào yêu cầu của cuộc thanh tra, ngoài các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân là đối tượng thanh tra, đoàn thanh tra trách nhiệm có thể xem xét, xác minh đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan khác để làm rõ các nội dung cần thanh tra.

Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến nội dung cần thanh tra có trách nhiệm làm việc, cung cấp thông tin, tài liệu theo yêu cầu của đoàn thanh tra trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Nguồn: baohinhphu.vn

PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM: KIẾN NGHỊ GIẢI PHÁP HỖ TRỢ DOANH NGHIỆP PHỤC HỒI SẢN XUẤT

Dịch COVID-19 đang tiếp tục ảnh hưởng lớn đến các doanh nghiệp. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) kiến nghị Ủy ban Kinh tế Quốc hội sớm xây dựng và ban hành chính sách hỗ trợ giúp doanh nghiệp nhanh chóng phục hồi và duy trì việc làm cho người lao động.

Theo đó, đối với Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam khuyến nghị cần sớm ban hành Luật sửa đổi Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp để thể chế hoá nội dung về mức đóng thuế thu nhập doanh nghiệp thấp hơn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đã quy định trong Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017.

Bên cạnh đó, xây dựng và ban hành Nghị quyết tổng thể về các chính sách mang tính dài hạn hỗ trợ doanh nghiệp và người dân gặp khó khăn do ảnh hưởng bởi đại dịch COVID-19 cho giai đoạn mới 2021 - 2025.

Đồng thời, tổ chức một số chương trình giám sát để kịp thời đánh giá và nâng cao hiệu quả triển khai các gói hỗ trợ doanh nghiệp và người dân vượt qua khó khăn do dịch COVID-19.

Đối với Chính phủ, các Bộ, ngành và chính quyền các địa phương, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đề nghị cần tăng cường phổ biến, tuyên truyền chính sách hỗ trợ để tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận được các gói hỗ trợ đã ban hành.

Trong đó, cần có những hướng dẫn cụ thể, chi tiết và đầy đủ về các thủ tục, quy trình thực hiện theo hướng đơn giản, dễ thực hiện đối với các doanh nghiệp. Cần nghiên cứu, xây dựng và sớm ban hành các gói chính sách hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi và mở rộng đầu tư kinh doanh cho giai đoạn mới 2021 - 2025, nhằm cụ thể hoá các chính sách của Đảng và Quốc hội.

Các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp cần thực hiện theo hướng tập trung, đúng đối tượng và theo đúng nhu cầu của doanh nghiệp. Cần có chọn lọc, phân loại ngành nghề để hỗ trợ, như tiếp tục chính sách tiếp tục hỗ trợ cho các doanh nghiệp bị ảnh hưởng nhiều do dịch bệnh như du lịch, vận tải, dệt may, da giày, giáo dục, đào tạo: cho phép cơ cấu lại những khoản vay, tiếp tục giãn nợ, thuế, giảm lãi suất cho vay, cho vay mới, bổ sung vốn lưu động để giúp doanh nghiệp khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đối với các chính sách đã ban hành, cần chủ động nắm bắt tình hình triển khai, đặc biệt là những vướng mắc, bất cập trong quá trình thực hiện để điều chỉnh hoặc kiến nghị điều chỉnh kịp thời và có cách thức hỗ trợ phù hợp đối với các doanh nghiệp ở từng ngành, lĩnh vực và từng giai đoạn, chú trọng các doanh nghiệp thuộc các ngành bị tổn thương nặng nề bởi dịch COVID-19.

Đặc biệt, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cho rằng, cần quan tâm hơn nữa các doanh nghiệp có quy mô nhỏ, siêu nhỏ bởi khả năng chống chịu kém của nhóm doanh nghiệp này. Nghiên cứu áp dụng thêm một số biện pháp mà các quốc gia khác hiện đang áp dụng như hỗ trợ chính cho các doanh nghiệp duy trì được tỷ lệ người lao động cao; hỗ trợ chi phí đào tạo nâng cao tay nghề, trình độ cho người lao động.

Đại dịch COVID-19 đang tạo cho Việt Nam cơ hội làm việc đó, khi các đối tác lớn như Nhật, Mỹ, EU, Úc... đang tìm kiếm nơi để chuyển một phần nguồn cung cho các chuỗi của họ ra khỏi Trung Quốc. Chính vì vậy, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam đề nghị xây dựng chính sách phát triển công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ theo hướng bớt lệ thuộc vào nguồn cung từ bên ngoài, giảm tình trạng gia công đã kéo dài quá lâu, mặt khác cũng tạo thêm giá trị gia tăng và vị thế tốt hơn của Việt Nam trong các chuỗi cung ứng toàn cầu, thêm cơ hội hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do (FTA) đòi hỏi hàm lượng xuất xứ nội địa/nội khối cao.

Ưu tiên triển khai nhanh chóng việc tiêm chủng vắc-xin phòng COVID-19 cho người lao động tại các doanh nghiệp (không chỉ là người lao động tại các khu công nghiệp) nhằm ngăn ngừa dịch bệnh, duy trì được các hoạt động sản xuất và kinh doanh.

Hiện nay, doanh nghiệp Việt Nam mặc dù bị ảnh hưởng của dịch bệnh rất nặng nề nhưng vẫn phải kinh doanh với các chi phí đầu vào rất cao so với tất cả các nước trong khu vực. Do đó, đề nghị Chính phủ rà soát, miễn và giãn thời gian áp dụng một số quy định gia tăng chi phí cho doanh nghiệp.

Với một số Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới như Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) và Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên châu Âu (EVFTA), Việt Nam càng có cơ hội được chọn, nếu Chính phủ có chính sách, mục tiêu rõ ràng nhằm khuyến khích, tạo điều kiện cho doanh nghiệp Việt Nam và thu hút đầu tư từ các đối tác trên vào những lĩnh vực/ngành cần phát triển công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ nhất.

Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam cũng khuyến nghị, cần có chính sách hỗ trợ theo hướng tạo thuận lợi hơn cho các doanh nghiệp tư nhân trụ lại được và có khả năng vượt lên sau dịch COVID-19, đặc biệt về đổi mới sáng tạo, đào tạo nhân lực chất lượng cao, sẵn sàng cho cuộc cạnh tranh mới.

Chính phủ tiếp tục dành sự quan tâm, nguồn lực để cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh, rà soát các điều kiện kinh doanh, đơn giản hóa đến tối đa các thủ tục hành chính, giảm chi phí giao dịch, loại bỏ rào cản bất hợp lý.

Nguồn: dangcongsan.vn

HÀ NỘI: CỤC THUẾ KHUYẾN KHÍCH THỰC HIỆN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BẰNG PHƯƠNG THỨC ĐIỆN TỬ VÀ BƯU ĐIỆN

Cục Thuế TP. Hà Nội khuyến khích người nộp thuế thực hiện các thủ tục hành chính thuế bằng phương thức điện tử và bưu điện.

Việc này nhằm chủ động phòng, chống nguy cơ cao lây nhiễm, bùng phát dịch COVID-19 và thực hiện tốt yêu cầu về phòng, chống dịch theo Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 23/7/2021 của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội về thực hiện giãn cách xã hội trên địa bàn để phòng, chống dịch COVID-19.

Với phương thức trên, Cục Thuế TP. Hà Nội lưu ý, khi nộp hồ sơ đến cơ quan thuế qua đường bưu điện, người nộp thuế ghi thông tin về họ tên, địa chỉ liên lạc, địa chỉ email, số điện thoại để cơ quan thuế có thể thông tin, liên lạc với người nộp thuế trong trường hợp cần thiết.

Đồng thời, người nộp thuế thường xuyên theo dõi các thông tin chính thống từ phía cơ quan thuế về các chương trình, tài liệu hướng dẫn... trên website <http://hanoi.gdt.gov.vn> để nắm bắt, thực hiện theo đúng quy định.

Trong trường hợp thật sự cần thiết, bắt buộc phải đến giao dịch tại bộ phận một cửa của cơ quan thuế, Cục Thuế TP. Hà Nội đề nghị người nộp thuế thực hiện nghiêm các quy định phòng, chống dịch bệnh của Nhà nước, tuân thủ quy tắc 5K: “Khẩu trang - Khử khuẩn - Khoảng cách - Không tụ tập - Khai báo y tế”.

Nguồn: hanoimoi.com.vn

HÀ NỘI: CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA THANH TRA

Thực hiện Quyết định số 18/2020/QĐ-UBND ngày 04/9/2020 của Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội ban hành Quy định thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn thành phố, ngày 22/7/2021, Ủy ban nhân dân TP. Hà Nội ban hành Quyết định số 3662/QĐ-UBND về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của thanh tra thành phố.

Quyết định công bố Danh mục gồm 04 thủ tục hành chính trong lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Thanh tra TP. Hà Nội: (1) Thủ

tục kê khai tài sản, thu nhập; (2) Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập; (3) Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình; (4) Thủ tục thực hiện việc giải trình. Căn cứ pháp lý xây dựng những thủ tục này là Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018, Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn trong cơ quan, tổ chức, đơn vị và các văn bản pháp lý liên quan.

Công bố Danh mục thủ tục hành chính trong lĩnh vực phòng, chống tham nhũng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Thanh tra thành phố quán triệt nguyên tắc lấy sự hài lòng của cá nhân, tổ chức trong việc thực hiện thủ tục hành chính là thước đo để đánh giá về chất lượng, hiệu quả phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức, cơ quan có thẩm quyền. Thủ tục hành chính được công khai đầy đủ, chính xác, kịp thời tạo tiền đề cho việc giải quyết thủ tục hành chính bảo đảm đúng quy định của pháp luật, bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan trong quá trình tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, góp phần thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp phòng, chống tham nhũng theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 3 khóa X về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí.

Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

THÁI NGUYÊN: 7/9 HUYỆN, THÀNH XẾP HẠNG CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH Ở MỨC TRUNG BÌNH

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên ban hành Quyết định công bố kết quả đánh giá, xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và kết quả đo lường mức độ hài lòng của tổ chức cá nhân đối với sự hài lòng của cơ quan hành chính nhà nước tỉnh năm 2020.

Theo bảng kết quả đánh giá, xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2020, có 2 sở đạt kết quả phân loại Tốt. Trong đó, đứng đầu 19 sở, ngành cấp tỉnh là: Sở Công Thương đạt 83,05 điểm; đứng thứ 2 là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn với số điểm 80,50. Nhóm kết quả phân loại khá có 8 sở, ban, ngành với số điểm từ 77,14 đến 71,08 điểm, còn lại 9 đơn vị nằm ở top trung bình.

Đối với xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính cấp huyện (không có loại Tốt), đứng đầu nhóm Khá là TP. Sông Công, tiếp đến là TX. Phổ Yên; 7 địa phương còn lại thuộc nhóm trung bình.

Ngay sau khi công bố kết quả xếp hạng Chỉ số cải cách hành chính năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân huyện, thành, thị tiếp tục rà soát, đánh giá, phân tích hạn chế, yếu kém, những tiêu chí có điểm số thấp hoặc không có điểm để tập trung đề ra các giải pháp khắc phục; tập trung rà soát tiến độ thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính đảm bảo thực hiện đúng yêu cầu, mục tiêu đề ra.

Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên cũng yêu cầu các đơn vị tăng cường công tác tự kiểm tra; nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính phục vụ người dân, doanh nghiệp; công khai 100% tiến độ và kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên Cổng dịch vụ công của tỉnh; khắc phục tình trạng giải quyết hồ sơ trả kết quả quá thời gian quy định...

Nguồn: baothainguyen.vn

QUẢNG NGÃI: TẬP TRUNG RÀ SOÁT VÀ XÂY DỰNG, NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC

Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã ban hành Công văn số 519-CV/TU chỉ đạo các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; các ban cán sự đảng, đảng đoàn; các huyện, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy; các sở, ban, ngành tỉnh tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Tiêu chí về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh theo Bộ tiêu chí cải cách hành chính của Trung ương.

Công văn số 519-CV/TU nêu rõ: Trong những năm qua, các cấp ủy, chính quyền, sở, ban, ngành, địa phương trong tỉnh đã quan tâm và có nhiều nỗ lực trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện công tác xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từ tỉnh đến cơ sở. Tuy nhiên, đến nay vẫn còn một số cán bộ, công chức cấp xã chưa bảo đảm tiêu chuẩn về trình độ chuyên môn theo quy định; quy trình thực hiện công tác cán bộ theo phân cấp quản lý hoặc đã ban hành nhưng thực hiện chưa nghiêm; ý thức chấp hành luật, kỷ cương hành chính của một số cán bộ, công chức, viên chức chưa tốt...

Do đó, tiêu chí về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh từ năm 2017 đến năm 2020 đã bị Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ chấm đạt điểm thấp, ảnh hưởng chung đến Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) của tỉnh.

Để góp phần thực hiện công tác cải cách hành chính của tỉnh, tạo bước đột phá trong việc nâng cao Chỉ số cải cách hành chính, nhất là tiêu chí về xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị tăng cường công tác quản lý, giáo dục đảng viên, cán bộ, công chức, viên chức; tiếp tục chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, đạo đức công vụ, xem đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của công tác xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức.

Tiếp nhận, thẩm tra các thông tin phản ánh của người dân, cơ quan báo chí; kịp thời tham mưu xử lý nghiêm các hành vi vi phạm kỷ luật, kỷ cương hành chính, thiếu chuẩn mực trong giao tiếp, ứng xử của cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt các trường hợp chậm trễ, những nhiễu, tiêu cực liên quan đến việc giải quyết công việc với người dân, tổ chức và doanh nghiệp, gây dư luận xấu trong xã hội và Nhân dân.

Ban Thường vụ các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện việc rà soát và xây dựng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, đặc biệt là ở cấp xã nhằm đảm bảo tiêu chuẩn theo quy định. Trong quá trình xét duyệt nhân sự để bổ nhiệm, chỉ định, giới thiệu cán bộ ứng cử, các địa phương không được xét duyệt cho thực hiện quy trình đối với nhân sự chưa bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn đã quy định.

Chỉ đạo rà soát tiêu chuẩn về trình độ đối với cán bộ, công chức cấp xã; tập trung chỉ đạo khắc phục các trường hợp chưa bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định; hoàn thành trước 31/12/2021. Sau ngày 31/12/2021, cương quyết thay thế những cán bộ, công chức không bảo đảm tiêu chuẩn theo quy định. Nếu không khắc phục xong thì tổ chức đảng, người đứng đầu địa phương phải chịu trách nhiệm trực tiếp với cấp trên và bị xem xét trong đánh giá, xếp loại tổ chức đảng, cán bộ, đảng viên cuối năm 2021 và những năm tiếp theo.

Tiếp tục quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh. Gắn quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh. Quan tâm bồi dưỡng, rèn luyện đội ngũ cán bộ kế cận; có cơ chế phát hiện, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức có năng lực nổi trội và triển vọng vào vị trí lãnh đạo, quản lý.

Hàng năm, Ban Cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi chỉ đạo xây dựng sớm và có chất lượng dự thảo Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh; theo dõi, chỉ đạo sự phối hợp giữa các cơ quan có liên quan ngay trong quá trình dự thảo văn bản. Ban Tổ chức Tỉnh ủy chịu trách nhiệm tổng hợp chung, thẩm định trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến để Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành trước ngày 31/01 hàng năm.

Cán bộ, đảng viên khi nhận được Phiếu điều tra xã hội học hàng năm của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền phải tự mình nghiên cứu kỹ lưỡng, thận trọng và đánh giá có trách nhiệm, đảm bảo công tâm, khách quan, sát đúng với thực tế, không được giao phiếu cho bộ phận giúp việc đánh giá thay mình trong khi họ không đủ lượng thông tin, tài liệu để có thể đánh giá chính xác các vấn đề được điều tra.

Nguồn: baoquangngai.vn

KHÁNH HÒA: SỞ TƯ PHÁP CHUYÊN BIẾN TÍCH CỰC TRONG CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

6 tháng đầu năm, nhờ triển khai nhiều giải pháp quyết liệt, công tác cải cách hành chính của Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa đã chuyên biến tích cực.

Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến tăng cao

6 tháng qua, Sở Tư pháp đã xây dựng, góp ý, thẩm định các văn bản quy phạm pháp luật đảm bảo về số lượng, nội dung, thời gian thực hiện, chất lượng soạn thảo, góp ý, thẩm định. Sở đã kiểm tra, xử lý, rà soát văn bản đầy đủ, nghiêm túc. Cơ quan cũng đề xuất phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính đăng ký hành nghề và cấp thẻ công chứng viên; tiếp nhận phản ánh, kiến nghị trên Cổng dịch vụ công quốc gia; đề nghị đơn vị liên quan phối hợp, báo

cáo sự việc để có căn cứ trả lời theo quy định. Đồng thời, Sở tham mưu xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính kịp thời; liên thông tin học với Trung tâm Lý lịch tư pháp quốc gia để phối hợp xác minh hồ sơ; rà soát, tích hợp, gắn kết đồng bộ Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 với cơ chế một cửa, một cửa liên thông và tin học hóa quy trình, cơ chế phối hợp giải quyết công việc, thủ tục hành chính...

Chuyển biến tích cực so với cùng kỳ năm trước của sở là tỷ lệ giải quyết hồ sơ trực tuyến và trả kết quả qua bưu chính công ích. Trong 6 tháng, sở đã tiếp nhận, giải quyết 2.497 hồ sơ trực tuyến mức độ 3 và 4, chiếm 54% tổng số hồ sơ phát sinh, tăng gần 5 lần so với cùng kỳ năm 2020. 11 hồ sơ đang giải quyết bị trễ hạn đều do lỗi phần mềm, thực tế đã trả đúng, sớm hạn. Số hồ sơ thanh toán trực tuyến cũng tăng hơn cùng kỳ, đạt 82 hồ sơ. Tỷ lệ trả kết quả qua bưu chính trên tổng số hồ sơ phát sinh tăng gần 2 lần so với cùng kỳ năm 2020, đạt 33,5. Đến nay, sở đã hoàn thành 33/43 nhiệm vụ trong Kế hoạch cải cách hành chính cả năm 2021.

Triển khai nhiều giải pháp

Năm 2020, Chỉ số cải cách hành chính của Sở Tư pháp đạt 79,52%, xếp hạng khá, đứng thứ 18/21 cơ quan cấp sở. Vì vậy, từ đầu năm, Sở đã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính năm 2021 và kế hoạch khắc phục tồn tại, hạn chế trong Chỉ số xếp hạng cải cách hành chính năm 2020, phấn đấu thực hiện đúng hạn, đảm bảo chất lượng hơn 99% nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa giao; đạt tỷ lệ tiếp nhận, giải quyết hồ sơ trực tuyến được giao.

Tất cả đơn vị thuộc, trực thuộc sở đều quán triệt thực hiện ngay mọi nhiệm vụ được phân công; đặc biệt, phấn đấu hoàn thành trước hạn 100% nhiệm vụ do Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa giao. Các đơn vị trực tiếp giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính thường xuyên nhắc nhở, giám sát xử lý hồ sơ, không để quá hạn; xử lý đồng thời hồ sơ giấy và trên phần mềm. Hàng tháng, cơ quan hợp đánh giá công chức tham gia giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính dựa vào đánh giá kết quả giải quyết hồ sơ.

Để tăng tỷ lệ hồ sơ trực tuyến, lãnh đạo Sở Tư pháp giao Văn phòng, Chi đoàn và Phòng Phổ biến, giáo dục pháp luật tiếp tục tuyên truyền, hỗ trợ người dân nộp hồ sơ trực tuyến thủ tục cấp phiếu lý lịch tư pháp thông qua mô hình Điểm truy cập Internet, hỗ trợ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tại bộ phận một cửa. Điểm truy cập được trang bị các thiết bị phục vụ nộp trực tuyến, tra cứu tình trạng hồ sơ. Đoàn viên thay nhau trực tiếp hỗ trợ người dân. Ông Võ Văn Nhiên (xã Vĩnh Lương, TP. Nha Trang) cho biết, hỗ trợ theo cách này rất trực quan. Người dân được hướng dẫn từng bước; có thể hỏi ngay nếu vướng về thủ tục, quy định liên quan.

Tất cả đơn vị thuộc sở cũng thực hiện nghiêm việc gửi, nhận văn bản điện tử; phân công, xử lý công việc trên phần mềm E-Office. Sở Tư pháp thực hiện báo cáo kiểm soát thủ tục hành chính định kỳ đầy đủ; tạo lập hồ sơ điện tử từ khâu tiếp nhận hồ sơ đầu vào; cập nhật văn bản, tài liệu phát sinh trong quy trình và kết quả giải quyết trên phần mềm. Riêng lĩnh vực lý lịch tư pháp, để bảo đảm nguyên tắc tôn trọng bí mật đời tư cá nhân, đúng quy định của Luật Lý lịch tư pháp, sở đã gửi văn bản đề nghị Bộ Tư pháp hướng dẫn cập nhật hồ sơ loại này lên phần mềm.

Giám đốc Sở Tư pháp Nguyễn Thị Lan Phương cho biết, nhằm tạo sự chuyển biến mạnh hơn nữa công tác cải cách hành chính, cuối tháng 6, sở đã ban hành Kế hoạch triển khai Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của sở; xác định đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2021 - 2025. Riêng năm nay, Sở phấn đấu 100% hồ sơ nộp tại bộ phận một cửa được triển khai quy trình số hóa; điện tử hóa mẫu đơn, mẫu tờ khai được phê duyệt; tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc địa giới hành chính đối với các thủ tục hành chính về hộ tịch hoặc thủ tục hành chính đáp ứng các điều kiện. Từ năm 2022, ít nhất 30% người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính không phải cung cấp lại thông tin, tài liệu đã được chấp nhận thực hiện thủ tục hành chính thành công trước đó và tăng lên ít nhất 80% từ năm 2023. Năm 2022, người dân, doanh nghiệp giao dịch tại bộ phận một cửa chờ tối đa 30 phút/lượt và còn 15 phút/lượt từ năm 2023...

Nguồn: baokhanhhoa.vn

ANG GIANG: THÚC ĐẨY KHỞI NGHIỆP ĐỔI MỚI SÁNG TẠO

Trong kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh An Giang đến năm 2025, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang dành ưu tiên cho lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế biến, công nghệ thực phẩm, dịch vụ du lịch, năng lượng tái tạo, công nghệ thông tin, tiểu thủ công nghiệp, logistics, làng nghề truyền thống có hàm lượng khoa học và công nghệ... Trong đó, chú trọng phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo gắn với chuyển đổi số, kinh tế số và kinh tế chia sẻ.

Nhiều hoạt động hỗ trợ

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang Trần Anh Thư đã ký Quyết định số 1406/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh An Giang đến năm 2025 (thay thế Quyết định số 1485/QĐ-UBND ngày 25/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh An Giang giai đoạn 2018 - 2025).

Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh An Giang đến năm 2025, nhằm tạo lập môi trường thuận lợi để thúc đẩy, hỗ trợ quá trình hình thành và phát triển loại hình doanh nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới, góp phần tạo việc làm, tăng năng suất lao động. Đồng thời, phát triển mạng lưới hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hướng đến phát triển hoàn thiện các thành phần của hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh, khuyến khích sự tương tác, kết nối nguồn lực và các chủ thể trong hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong và ngoài tỉnh.

Cụ thể, tỉnh sẽ xây dựng và hoàn thiện chính sách hỗ trợ hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Trong đó, ban hành tối thiểu 2 chính sách về thúc đẩy thị trường

khoa học và công nghệ, phát triển tài sản trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng. Đồng thời, phát triển, đa dạng hóa kênh thông tin, truyền thông, xây dựng Công thông tin kết nối (Hub) khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và tổ chức nhiều hình thức ghi nhận, tôn vinh tấm gương, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo thành công trên địa bàn tỉnh An Giang.

Tỉnh An Giang sẽ đào tạo, tập huấn tối thiểu 30 huấn luyện viên, cán bộ phụ trách khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; 500 lượt tổ chức, cá nhân hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên toàn tỉnh. Tổ chức hoạt động thực tập, trải nghiệm thực tế, tạo điều kiện cho học sinh, sinh viên các cấp được tiếp xúc với hoạt động đổi mới sáng tạo tại doanh nghiệp. Từ năm 2023, tối thiểu 10% học sinh Trung học cơ sở, 5% học sinh tiểu học được cung cấp kiến thức và hoạt động thực hành về đổi mới sáng tạo. Tỉnh An Giang sẽ hỗ trợ tối thiểu 20 dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Phân đầu hàng năm, tối thiểu có 1 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh được nghiệm thu và chuyển giao cho doanh nghiệp để khởi nghiệp. Đồng thời, hỗ trợ thành lập tối thiểu 2 tổ hợp tác, tổ liên kết sản xuất - kinh doanh do phụ nữ quản lý trên nền tảng đổi mới sáng tạo.

Hỗ trợ tích cực cho khởi nghiệp

Đối tượng được hỗ trợ theo Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh An Giang đến năm 2025 là các cá nhân, nhóm cá nhân có dự án khởi nghiệp và doanh nghiệp khởi nghiệp có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới. Doanh nghiệp khởi nghiệp có thời gian hoạt động không quá 5 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu và chưa thực hiện chào bán chứng khoán ra công chúng đối với công ty cổ phần. Tiêu chí xác định dự án khởi nghiệp và doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo được thực hiện theo quy định tại Điều 20 Mục 2 Chương IV Nghị định số 39/2018/NĐ-CP ngày 11/3/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Đối tượng được hỗ trợ còn là tổ chức cung cấp dịch vụ, cơ sở vật chất - kỹ thuật, đầu tư, truyền thông cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, hoạt động hiệu quả, đáp ứng các tiêu chí theo quy định tại Mục 2 Khoản II Điều 1 Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025; học sinh, sinh viên, tổ chức, cá nhân có hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo.

Trên cơ sở mục tiêu đề ra, Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang giao nhiệm vụ cụ thể cho từng sở, ngành. Trong đó, Sở Khoa học và Công nghệ được giao chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành và đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh An Giang đến năm 2025. Trong đó, xây dựng kế hoạch, dự toán và bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm, kinh phí từ các chương trình, quỹ, dự án đầu tư, dự án hỗ trợ đổi mới sáng tạo trong nước và quốc tế có nội dung phù hợp để triển khai kế hoạch. Đồng thời, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang điều chỉnh nhiệm vụ hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hàng năm sát thực tế địa phương (nếu có). Định kỳ hàng năm, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang tình hình hỗ trợ hệ sinh thái

khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, thực hiện sơ kết giữa kỳ và tổng kết đánh giá, khen thưởng khi kết thúc kế hoạch.

Nguồn: baoangiang.com.vn

ĐỒNG THÁP: TIẾP TỤC ĐẨY MẠNH CÁC MẶT CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH; CẢI THIỆN, NÂNG CAO CHỈ SỐ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH VÀ CHỈ SỐ HÀI LÒNG VỀ SỰ PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH

*** Tiếp tục đẩy mạnh các mặt công tác cải cách hành chính**

Qua 6 tháng đầu năm 2021, công tác cải cách hành chính của tỉnh đạt những kết quả tốt. Trong đó, để thực hiện cải cách thủ tục hành chính, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã ban hành các Kế hoạch: Kiểm soát thủ tục hành chính và truyền thông về hoạt động kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021 trên địa bàn tỉnh; rà soát, đánh giá thủ tục hành chính năm 2021; kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh năm 2021. Tỉnh Đồng Tháp cũng đã công bố thủ tục hành chính từ tỉnh đến cấp xã đối với các lĩnh vực: giáo dục và đào tạo; kế hoạch và đầu tư; thông tin và truyền thông. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã đôn đốc các đơn vị, địa phương thực hiện niêm yết công khai các thủ tục hành chính theo đúng quy định trên Trang thông tin điện tử, tại Bộ phận Một cửa của cơ quan, địa phương.

Tỉnh Đồng Tháp thành lập Đoàn kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính năm 2021. Cụ thể, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh đã đến làm việc và kiểm tra công tác kiểm soát thủ tục hành chính tại Ủy ban nhân dân huyện Cao Lãnh, Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung và 15 xã, thị trấn trên địa bàn 2 huyện. Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác này vẫn còn các hạn chế tại một số địa phương như: Ban hành Kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính chưa đúng quy định; niêm yết thủ tục hành chính chưa đầy đủ; còn tình trạng từ chối giải quyết hồ sơ nhưng không trả lời bằng văn bản, không nêu rõ lý do; nhận dư thành phần hồ sơ; hồ sơ giải quyết trễ hạn, không có thư xin lỗi đầy đủ... Đoàn kiểm tra đã yêu cầu địa phương chấn chỉnh, khắc phục các hạn chế.

Thực hiện các Nghị định của Chính phủ và các quy định của pháp luật, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp tiếp tục triển khai sắp xếp, kiện toàn lại các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; chỉ đạo các sở, cơ quan ngang sở về phương án sắp xếp tổ chức bộ máy và số lượng cấp phó các phòng và tương đương; các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện được tổ chức thống nhất phù hợp với từng loại hình đơn vị hành chính huyện, thành phố.

Trong cải cách chế độ công vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Quy định về tiêu chuẩn, số lượng, quy trình xét chọn, chế độ chính sách, cơ quan quản lý đối với nhân viên y tế khám, áp trên địa bàn tỉnh. Sở Nội vụ phối hợp với Trường Chính trị, Phân viện

Học viện Hành chính Quốc gia tại TP. Hồ Chí Minh tổ chức các lớp bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước theo tiêu chuẩn ngạch chuyên viên, chuyên viên chính; theo tiêu chuẩn chức vụ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương... Hội đồng thi nâng ngạch, thăng hạng năm 2020 đã tổ chức thành công kỳ thi nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức hành chính từ nhân viên, cán sự lên chuyên viên và tương đương. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã ban hành Quyết định công nhận kết quả kỳ thi nâng ngạch năm 2020 của 109 công chức, viên chức.

Về xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đã ban hành Kế hoạch xây dựng Đề án Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định kiện toàn và Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo xây dựng Chính quyền điện tử và Chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp. Đồng thời, chỉ đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan khẩn trương nghiên cứu, xem xét các điều kiện thực tế và xu hướng phát triển ứng dụng công nghệ số để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và sớm tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án chuyển đổi số tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030.

Bên cạnh đó, tỉnh Đồng Tháp đã triển khai thực hiện phần mềm một cửa điện tử, phần mềm quản lý văn bản điều hành (iDesk) từ cấp tỉnh đến cấp xã (hiện nay 100% cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh đã thực hiện); hệ thống họp trực tuyến được thực hiện liên thông từ Ủy ban nhân dân tỉnh đến 100% Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; ứng dụng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 được các ngành, các cấp đẩy mạnh thực hiện...

Trong 6 tháng cuối năm, tỉnh công bố quy trình thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông để thực hiện thống nhất trong toàn tỉnh; tiếp tục hoàn thiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông điện tử ở các ngành, các cấp và đẩy mạnh cung ứng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 theo lộ trình. Đồng thời, thanh tra, kiểm tra việc thực hiện quy định của pháp luật về số lượng biên chế công chức; tuyển dụng viên chức; bổ nhiệm công chức, viên chức quản lý; tiêu chuẩn, chức danh nghề nghiệp của viên chức tại các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, tiếp tục nâng cao năng lực đội ngũ công chức chuyên trách cải cách hành chính các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện; xây dựng video tuyên truyền các hoạt động, mô hình hay về cải cách hành chính. Đồng thời, tổ chức Hội thi tìm hiểu cải cách hành chính cấp tỉnh năm 2021; tập huấn về công tác nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính, cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông; hoàn thành và công bố Chỉ số hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của các cơ quan hành chính nhà nước năm 2021 trên địa bàn tỉnh; Ban hành Đề án tuyên truyền cải cách hành chính nhà nước tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021 - 2030...

*** Cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính**

Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp ban hành Kế hoạch cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính và Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2021 của tỉnh Đồng Tháp.

Kế hoạch nhằm cải thiện những tiêu chí, tiêu chí thành phần còn hạn chế chưa đạt yêu cầu đánh giá của Bộ Chỉ số cải cách hành chính; tiếp tục duy trì và phát huy những tiêu chí, tiêu chí thành phần đã đạt điểm tốt; phấn đấu Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh Đồng Tháp năm 2021 nằm trong nhóm 10 tỉnh, thành phố đạt điểm số cao của cả nước. Đồng thời tiếp tục nâng cao Chỉ số Hải lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh (Chỉ số hải lòng - SIPAS). Trong đó, chú trọng nâng cao tinh thần trách nhiệm, thái độ phục vụ của cán bộ, công chức, viên chức trong các khâu giải quyết thủ tục hành chính.

Mục tiêu cụ thể, phấn đấu Chỉ số cải cách hành chính của tỉnh Đồng Tháp năm 2021 đạt chỉ số tổng hợp từ 87% trở lên; phấn đấu Chỉ số hải lòng về sự phục vụ hành chính của tỉnh Đồng Tháp tiếp tục đạt trên 89% và cao hơn mức trung bình của cả nước.

Để thực hiện Kế hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đề ra những nhiệm vụ, giải pháp. Trong đó, về công tác chỉ đạo, điều hành cải cách hành chính, các cơ quan, địa phương tiếp tục nghiên cứu xây dựng những mô hình, những việc làm cụ thể để cải tiến, đổi mới hiệu quả trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính. Về cải cách thủ tục hành chính, các cơ quan, địa phương theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc giải quyết thủ tục hành chính tại các ngành, các cấp, kịp thời chấn chỉnh những trường hợp người dân, tổ chức phải đi lại nhiều lần để bổ sung thành phần hồ sơ; khắc phục tình trạng hồ sơ trễ hạn, sai sót; nghiêm túc thực hiện việc thông báo trước và xin lỗi khi để xảy ra sai sót, quá hạn trong giải quyết thủ tục hành chính; tiếp tục duy trì kết quả giải quyết thủ tục hành chính trước hạn và đúng hạn đạt từ 99% trở lên.

Trong xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, các cơ quan, địa phương tiếp tục duy trì và phát huy những kết quả đạt được trong năm 2020; tổ chức kiểm tra đột xuất về việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính trong thi hành công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thực hiện giải quyết thủ tục hành chính. Trong hiện đại hóa hành chính, các cơ quan, địa phương thực hiện các biện pháp tuyên truyền, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cá nhân, tổ chức biết về dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; đảm bảo tỷ lệ thủ tục hành chính cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ trong năm từ 60% trở lên và được xử lý mức độ 3, 4 từ 30% trở lên. Đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền bằng nhiều hình thức cho các cá nhân, tổ chức về việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại nhà qua dịch vụ bưu chính công ích; đảm bảo tỷ lệ thủ tục hành chính có phát sinh hồ sơ qua dịch vụ bưu chính công ích đạt từ 50% trở lên...

Ngoài các nhiệm vụ cần cải thiện trong Kế hoạch, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp yêu cầu các sở, ngành của tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã tiếp tục duy trì và phát huy hơn nữa những kết quả đã đạt được trong năm 2020.

Nguồn: baodongthap.vn

ĐỀ ÁN ĐO LƯỜNG SỰ HÀI LÒNG CỦA NGƯỜI DÂN, TỔ CHỨC ĐỐI VỚI SỰ PHỤC VỤ CỦA CƠ QUAN HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2017 - 2020

Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 của Chính phủ xác định một trong các mục tiêu của cải cách hành chính nhà nước giai đoạn này là “Bảo đảm sự hài lòng của cá nhân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt mức trên 80% vào năm 2020” và một trong các trọng tâm của cải cách hành chính nhà nước là “Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công”. Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 đã giao Bộ Nội vụ triển khai thực hiện Đề án Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước. Trên cơ sở đó, ngày 10/10/2017, Bộ trưởng Bộ Nội vụ đã ban hành Quyết định số 2640/QĐ-BNV phê duyệt Đề án đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước giai đoạn 2017 - 2020 quy định cụ thể mục đích, mục tiêu, yêu cầu, nội dung, phương pháp, giải pháp, trách nhiệm, thời gian và kinh phí triển khai đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước theo yêu cầu của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong giai đoạn này.

Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước nhằm đánh giá khách quan chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công của các cơ quan hành chính nhà nước. Thông qua đó, các cơ quan hành chính nhà nước nắm bắt được yêu cầu, mong muốn của người dân, tổ chức để có những biện pháp cải thiện chất lượng phục vụ và cung ứng dịch vụ nhằm nâng cao sự hài lòng và lợi ích của người dân, tổ chức.

Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (sau đây gọi là “đo lường sự hài lòng”) được thực hiện đối với 5 yếu tố cơ bản của quá trình cung ứng dịch vụ hành chính công, gồm: (1) Tiếp cận dịch vụ; (2) thủ tục hành chính; (3) Công chức trực tiếp giải quyết công việc; (4) kết quả dịch vụ; (5) việc tiếp nhận, giải quyết góp ý, phản ánh, kiến nghị. Nội dung đo lường là các nhận định, đánh giá, mức độ hài lòng và sự mong đợi của người dân, tổ chức đối với việc cung ứng dịch vụ hành chính công của cơ quan hành chính nhà nước.

Nội dung đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với 5 yếu tố bao gồm: (1) Nhận định của người dân, tổ chức; (2) sự hài lòng của người dân, tổ chức; (3) sự mong đợi của người dân, tổ chức.

Các tiêu chí đánh giá đối với 5 yếu tố ở từng nội dung bao gồm:

Thứ nhất, nhận định của người dân, tổ chức, gồm các tiêu chí: Cơ quan trực tiếp giải quyết công việc cho người dân, tổ chức; kênh thông tin để biết về cơ quan trực tiếp giải quyết công việc cho người dân, tổ chức; kênh thông tin để biết về thủ tục hành chính; số lần đi lại đến cơ quan để giải quyết công việc; việc công chức gây phiền hà, sách nhiễu; việc công chức

gợi ý nộp tiền ngoài phí/lệ phí; việc cơ quan đúng hẹn; việc cơ quan thông báo trễ hẹn; việc cơ quan xin lỗi vì trễ hẹn; sự phù hợp của các hình thức cung ứng dịch vụ hành chính công.

Thứ hai, sự hài lòng của người dân, tổ chức, gồm các tiêu chí: Về tiếp cận dịch vụ: Trụ sở cơ quan tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết công việc có biển hiệu, hướng dẫn rõ ràng, dễ thấy; trụ sở cơ quan tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết công việc có đủ chỗ ngồi cho người dân, tổ chức; trang thiết bị phục vụ người dân, tổ chức đầy đủ; trang thiết bị phục vụ người dân, tổ chức dễ sử dụng.

Về thủ tục hành chính: Thủ tục hành chính được niêm yết công khai dễ thấy; thủ tục hành chính được niêm yết công khai đầy đủ; thành phần hồ sơ mà người dân, tổ chức phải nộp là đúng quy định; phí/lệ phí mà người dân, tổ chức phải nộp là đúng quy định; thời hạn giải quyết (tính từ ngày hồ sơ được tiếp nhận đến ngày nhận kết quả) là đúng quy định.

Về công chức trực tiếp giải quyết công việc: Công chức có thái độ giao tiếp lịch sự; công chức chú ý lắng nghe câu hỏi, ý kiến của người dân, tổ chức; công chức trả lời, giải đáp đầy đủ các ý kiến của người dân, tổ chức; công chức trả lời, giải thích đầy đủ các câu hỏi, ý kiến của người dân, tổ chức; công chức hướng dẫn kê khai hồ sơ dễ hiểu; công chức hướng dẫn người dân, tổ chức kê khai hồ sơ một lần là người dân, tổ chức có thể hoàn thiện hồ sơ; công chức giải quyết công việc đúng quy định.

Về kết quả dịch vụ: Kết quả phù hợp với quy định; kết quả có thông tin đầy đủ; kết quả có thông tin chính xác; kết quả đảm bảo tính công bằng.

Về tiếp nhận, giải quyết góp ý, phản ánh, kiến nghị: Cơ quan có bố trí hình thức tiếp nhận góp ý, phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức; người dân, tổ chức dễ dàng thực hiện góp ý, phản ánh, kiến nghị; cơ quan tiếp nhận và xử lý tích cực các góp ý, phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức; cơ quan có thông báo kịp thời kết quả xử lý các ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức.

Thứ ba, sự mong đợi của người dân, tổ chức, gồm các tiêu chí: Mở rộng các hình thức thông tin để người dân, tổ chức biết đến cơ quan nơi nộp hồ sơ và nhận kết quả dịch vụ công một cách dễ dàng, nhanh chóng; cải thiện chất lượng cơ sở vật chất; hiện đại hóa trang thiết bị phục vụ người dân, tổ chức; tăng cường niêm yết công khai, minh bạch quy định thủ tục hành chính; tăng cường tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả dịch vụ công qua đường bưu điện; đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4; tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính; rút ngắn thời gian dịch vụ công; giảm phí/lệ phí dịch vụ công; cải thiện thái độ giao tiếp của công chức; cải thiện tinh thần phục vụ của công chức; nâng cao năng lực giải quyết công việc của công chức; bố trí hình thức tiếp nhận ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức dễ dàng, thuận tiện hơn; tiếp nhận, giải quyết ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức kịp thời, tích cực (mỗi người dân, tổ chức lựa chọn 03 nội dung mong đợi nhất đối với cơ quan hành chính nhà nước trong việc ưu tiên cải cách, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ, thông qua lựa chọn từ các nội dung trên).

Phương pháp thu thập thông tin đo lường, xác định Chỉ số hài lòng

Thứ nhất, thu thập thông tin: Phương pháp điều tra xã hội học chọn mẫu ngẫu nhiên, phân tầng dựa trên Phiếu điều tra được áp dụng để thu thập thông tin đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức.

Đối tượng: Người dân, tổ chức đã trực tiếp giải quyết công việc và nhận kết quả giải quyết tại cơ quan hành chính nhà nước.

Phạm vi: 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là tỉnh) thông qua phương pháp chọn mẫu điều tra xã hội học.

Thứ hai, xây dựng Chỉ số hài lòng (SIPAS), kết quả đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức được phản ánh qua bộ Chỉ số hài lòng được gọi là SIPAS (chữ viết tắt của tiếng Anh: Satisfaction Index of Public Administrative Services). Chỉ số SIPAS bao gồm chỉ số phản ánh nhận định của người dân, tổ chức, chỉ số phản ánh sự hài lòng của người dân, tổ chức và chỉ số phản ánh sự mong đợi của người dân, tổ chức. Chỉ số SIPAS được xây dựng dưới dạng tỷ lệ phần trăm.

Tổ chức thực hiện

Bộ Nội vụ - Cơ quan Thường trực của Chính phủ về tổ chức thực hiện Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 chủ trì triển khai SIPAS giai đoạn 2017 - 2020 theo sự phân công của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Bộ Nội vụ đã ký Chương trình phối hợp số 5822/CTPH-BNV-TWMTTQVN-TWHCCBVN ngày 07/11/2018 với Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam để triển khai SIPAS giai đoạn 2018 - 2020, nhằm tăng cường sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Hội Cựu chiến binh Việt Nam các cấp đối với toàn bộ quá trình triển khai đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức.

Hàng năm, Bộ Nội vụ ban hành Kế hoạch triển khai đo lường sự hài lòng; có công văn gửi Ủy ban nhân dân 63 tỉnh đề nghị phối hợp thực hiện, hỗ trợ công tác chọn mẫu điều tra xã hội học; ký Chương trình phối hợp và hợp đồng với Tổng công ty Bưu điện Việt Nam để thực hiện phát, thu phiếu điều tra xã hội học tại 63 tỉnh. Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam ban hành văn bản hướng dẫn Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Hội Cựu chiến binh các tỉnh thực hiện giám sát và phúc tra kết quả điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng tại địa phương. Tổng công ty Bưu điện Việt Nam chỉ đạo các Bưu điện tỉnh chọn điều tra viên từ nhân viên Bưu điện để thực hiện phát, thu phiếu điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng ở địa phương.

Sở Nội vụ, Mặt trận Tổ quốc tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh phối hợp phúc tra kết quả phát, thu phiếu điều tra xã hội học, với tỷ lệ phúc tra là 10% tổng số phiếu điều tra đã thực hiện vào năm 2017 và 20% vào năm 2018, 2019.

Năm 2017, số phiếu phát ra là 33.900, số phiếu thu về hợp lệ là 30.741, đạt 90,68%. Năm 2018, số phiếu phát ra là 33.900 phiếu, số phiếu thu về hợp lệ là 32.715 phiếu, đạt 96,50%. Năm 2019, số phiếu phát ra là 36.630 phiếu, số phiếu thu về hợp lệ là 35.268 phiếu, đạt 96,28%.

1. Kết quả Đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước

Một số nhận định, đánh giá của người dân, tổ chức năm 2017, 2018, 2019

TT	Nội dung	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017	
	Cơ quan giải quyết công việc	Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả xã	46,88%	45,46%	
		Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả huyện	37,67%	36,47%	
		Bộ phận tiếp nhận, trả kết quả tỉnh	13,93%	15,12%	
		Trung tâm hành chính công tỉnh	10,22%	8,74%	
		Khác	0,78%	1,04%	
	Kênh thông tin để biết về cơ quan giải quyết công việc	Qua người thân, bạn	25,52%	20,79%	17,33%
		Qua chính quyền xã	57,93%	59,63%	71,92%
		Qua thông tin đại chúng	19,96%	19,47%	15,54%
		Qua internet	8,20%	7,10%	5,17%
		Khác	2,17%	2,86%	2,04%
	Kênh thông tin để biết về quy định thủ tục hành chính	Qua công chức	71,66%	73,60%	
		Qua niêm yết công khai tại nơi nộp hồ sơ	26,61%	25,19%	

TT	Nội dung		Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017
		Qua qua Internet	7,34%	4,92%	
		Qua qua người thân, bạn	6,84%	4,52%	
		Khác	0,52%	0,59%	
	Số lần đi lại giải quyết công việc	1 lần	28,25%	79,30% (1 - 2 lần)	78,09% (1 - 2 lần)
		2 lần	54,88%	16,30% (3 - 4 lần)	16,94% (3 - 4 lần)
		3 lần	11,47%	2,70% (5 - 6 lần)	2,42% (5 - 6 lần)
		4 lần	4,43%	1,80 % (nhiều)	2,47% (nhiều)
		Khác	0,98%		
	Công chức phiền hà, sách nhiễu	Có	1,41%	2,45%	3,35%
	Công chức gợi ý nộp tiền ngoài phi/lệ phí	Có	0,47%	1,42%	1,85%
	Cơ quan trả kết quả đúng hạn	Đúng hạn	93,92%	93,03%	91,73%
		Sớm hạn	1,64%	1,85%	2,37%
		Trễ hạn	4,44%	5,12%	5,90%
	Cơ quan thông báo về việc trễ hạn	Có	42,63%	33,29%	32,77%
	Cơ quan xin lỗi vì trễ hạn	Có	27,12%	18,57%	11,09%
	Tiếp nhận hs và trả kết quả tại Bộ phận Một cửa	Phù hợp	88,20%		
	Tiếp nhận hs tại Bộ phận Một cửa, trả kết quả qua dịch vụ bưu điện	Phù hợp	88,80%		
	Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu điện	Phù hợp	86,20%		
	Tiếp nhận hồ sơ và trả	Phù hợp	84,94%		

TT	Nội dung	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017
	kết quả qua internet			

Sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với quá trình, kết quả cung ứng dịch vụ hành chính công nói chung năm 2019 với 2018, 2017

	Năm 2019				Năm 2018				Năm 2017			
	Cả nước	Tỉnh cao nhất	Tỉnh thấp nhất	Giá trị trung vị	Cả nước	Tỉnh cao nhất	Tỉnh thấp nhất	Giá trị trung vị	Cả nước	Tỉnh cao nhất	Tỉnh thấp nhất	Trung vị
I. Tiếp cận												
1. Trụ sở dễ thấy	87,53 %	95,94 %	75,00 %	88,52 %	86,56 %	97,97 %	70,00 %	87,29 %	84,36 %	97,08 %	54,26 %	84,62 %
2. Nơi ngồi chờ đủ chỗ ngồi	88,01 %	95,91 %	76,66 %	88,26 %	83,31 %	97,83 %	68,96 %	83,86 %	80,31 %	95,42 %	47,40 %	79,09 %
3. Trang thiết bị đầy đủ	85,60 %	95,60 %	75,87 %	86,04 %	74,00 %	93,96 %	55,89 %	75,11 %	71,61 %	91,25 %	38,25 %	70,15 %
4. Trang thiết bị dễ sử dụng	84,78 %	96,22 %	73,04 %	85,44 %	78,62 %	96,24 %	63,31 %	79,39 %	75,18 %	95,00 %	40,96 %	74,79 %
Hài lòng về tiếp cận dịch vụ	86,48 %	95,76 %	75,54 %	87,17 %	80,62 %	96,38 %	65,63 %	81,85 %	77,86 %	94,38 %	45,22 %	77,29 %
II. Thủ tục												
5. TTHC được niêm yết công khai dễ thấy	85,99 %	95,60 %	75,22 %	86,73 %	86,99 %	99,13 %	75,42 %	86,98 %	85,04 %	98,95 %	57,17 %	83,99 %
6. TTHC được niêm yết công khai đầy đủ	86,16 %	96,91 %	74,22 %	86,94 %	86,32 %	99,13 %	73,75 %	86,22 %	83,94 %	97,06 %	56,34 %	83,47 %
7. Thành phần hồ sơ đúng quy định	88,00 %	96,38 %	76,96 %	88,47 %	87,78 %	99,42 %	77,08 %	88,13 %	85,82 %	93,33 %	62,79 %	85,76 %
8. Mức phí/lệ phí đúng quy định	86,80 %	96,07 %	76,08 %	87,77 %	86,46 %	99,58 %	74,15 %	86,04 %	84,07 %	97,50 %	55,93 %	83,75 %
9. Thời hạn giải quyết đúng quy định	85,73 %	95,53 %	74,04 %	86,73 %	84,46 %	98,13 %	72,24 %	83,96 %	82,69 %	96,67 %	55,72 %	83,13 %
Hài lòng về thủ tục hành chính	86,54 %	96,10 %	76,13 %	87,39 %	86,40 %	98,90 %	75,21 %	86,25 %	84,31 %	97,54 %	57,59 %	84,20 %
III. Công chức												
10. Công chức lịch sự	86,72 %	95,59 %	75,09 %	87,03 %	85,37 %	98,11 %	71,82 %	82,80 %	82,80 %	97,50 %	59,67 %	83,30 %

THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ

	Cả nước	Tỉnh cao nhất	Tỉnh thấp nhất	Gía trị trung vị	Cả nước	Tỉnh cao nhất	Tỉnh thấp nhất	Gía trị trung vị	Cả nước	Tỉnh cao nhất	Tỉnh thấp nhất	Gía trị trung vị
11. Công chức chú ý lắng nghe	85,08 %	95,53 %	72,82 %	85,06 %	84,40 %	97,50 %	69,28 %	80,78 %	80,78 %	96,34 %	56,55 %	80,75 %
12. Công chức trả lời đầy đủ	85,50 %	96,69 %	72,39 %	85,63 %	84,35 %	97,29 %	66,74 %	80,93 %	80,93 %	96,46 %	55,72 %	80,75 %
13. Công chức hướng dẫn dễ hiểu	85,79 %	94,76 %	74,04 %	85,80 %	84,91 %	98,12 %	68,86 %	85,63 %	81,22 %	96,46 %	51,98 %	81,25 %
14. Công chức hướng dẫn 1 lần	84,75 %	95,83 %	70,91 %	85,18 %								
15. Công chức tuân thủ đúng quy định	86,64 %	94,53 %	73,87 %	87,22 %	85,01 %	98,41 %	71,96 %	84,78 %	83,15 %	97,85 %	58,21 %	82,98 %
16. Công chức tận tình giúp đỡ	84,86 %	93,76 %	71,78 %	85,20 %	86,57 %	98,41 %	73,54 %	86,40 %	81,96 %	96,67 %	54,47 %	82,50 %
Hài lòng về công chức nói chung	85,62 %	94,94 %	73,49 %	85,91 %	85,10 %	97,61 %	71,29 %	85,43 %	81,81 %	96,74 %	56,10 %	81,56 %
IV. Kết quả												
17. Kết quả đúng quy định	88,32 %	97,69 %	75,87 %	89,17 %	87,45 %	99,15 %	74,15 %	87,50 %	85,37 %	98,75 %	65,90 %	85,15 %
18. Kết quả có thông tin đầy đủ	88,87 %	97,69 %	77,39 %	89,70 %	88,56 %	99,16 %	72,88 %	88,53 %	85,95 %	98,54 %	67,98 %	85,83 %
19. Kết quả có thông tin chính xác	89,00 %	97,84 %	77,83 %	90,00 %	88,38 %	99,17 %	74,58 %	88,63 %	85,88 %	98,13 %	67,98 %	85,58 %
20. Kết quả công bằng	88,06 %	97,69 %	75,65 %	88,82 %								
Hài lòng về kết quả nói chung	88,56 %	97,73 %	76,68 %	89,63 %	88,13 %	99,16 %	73,87 %	88,21 %	85,73 %	98,47 %	67,29 %	85,51 %
V. Tiếp nhận, xử lý góp ý, phản ánh, kiến nghị												
1. Cơ quan bố trí hình thức tiếp nhận góp ý, phản ánh, kiến nghị	74,76 %	94,55 %	40,74 %	76,00 %	75,04 %	100 %	43,24 %	74,74 %	76,62 %	97,22 %	50,82 %	75,15 %
2. Người dân, tổ chức dễ dàng góp ý, phản ánh, kiến nghị	74,95 %	94,55 %	52,00 %	76,00 %	73,75 %	97,96 %	42,10 %	73,23 %	74,66 %	95,37 %	48,15 %	73,65 %

THÔNG TIN CHUYÊN ĐỀ

3. Cơ quan xử lý góp ý, phản ánh, kiến nghị tích cực	73,35 %	96,36 %	45,71 %	74,67 %	73,97 %	97,96 %	39,13 %	72,92 %	74,82 %	95,37 %	44,44 %	73,21 %
4. Cơ quan hông báo kịp thời kết quả xử lý góp ý, phản ánh, kiến nghị	71,59 %	90,48 %	45,71 %	72,00 %	73,52 %	95,92 %	35,13 %	74,07 %	75,27 %	95,37 %	46,15 %	74,59 %
Hài lòng về tiếp nhận, xử lý góp ý, phản ánh, kiến nghị	73,66 %	91,82 %	50,00 %	74,04 %	74,07 %	97,96 %	41,89 %	74,23 %	75,34 %	95,83 %	49,80 %	74,50 %
Hài lòng về sự phục vụ hành chính	84,45 %	95,26 %	73,81 %	85,16 %	82,99 %	97,88 %	69,98 %	81,92 %	80,90 %	95,75 %	67,70 %	79,76 %

Sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với cấp hành chính, lĩnh vực dịch vụ năm 2017, 2018, 2019

	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017
Cấp tỉnh	83,35%	83,23%	80,74%
Cấp huyện	85,53%	81,47%	80,34%
Cấp xã	84,37%	84,04%	81,93%
Lĩnh vực đất đai, môi trường	79,06%	80,54%	78,87%
Lĩnh vực xây dựng, quản lý dự án	84,38%	82,02%	79,28%
Lĩnh vực giao thông vận tải	88,45%	85,79%	80,62%
Lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch	86,99%	83,03%	82,10%
Lĩnh vực nông nghiệp, phát triển nông thôn	86,53%	85,48%	81,88%
Lĩnh vực kinh doanh	85,53%	81,47%	82,48%
Lĩnh vực lý lịch tư pháp, trợ giúp pháp lý	83,99%	83,08%	84,85%
Lĩnh vực tư pháp, lao động (cấp xã)	84,37%	84,04%	81,93%
Cả nước nói chung	84,45%	82,99%	80,90%

Sự mong đợi của người dân, tổ chức năm 2019 với 2018, 2017

	Năm 2019	Năm 2018	Năm 2017
Mở rộng các hình thức thông tin	62,50%	60,89%	56,22%
Cải thiện chất lượng cơ sở vật chất; hiện đại hóa trang thiết bị	26,01%	28,10%	27,13%

Tăng cường niềm yết công khai, minh bạch thủ tục hành chính	30,09%	23,53%	26,38%
Tăng cường nhận hồ sơ và trả kết quả đường bưu điện	29,63%	30,73%	
Đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4.	12,13%	10,68%	
Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính	44,00%	46,80%	74,72%
Rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục hành chính	43,27%	44,74%	41,49%
Giảm phí/lệ phí giải quyết thủ tục hành chính	13,22%	14,12%	12,27%
Cải thiện thái độ giao tiếp của công chức	5,63%	6,01%	5,68%
Cải thiện tinh thần phục vụ của công chức	5,06%	4,74%	5,10%
Nâng cao năng lực của công chức	8,69%	8,54%	8,50%
Bổ trí hình thức tiếp nhận góp ý, phản ánh, kiến nghị dễ dàng, thuận tiện hơn	8,60%	8,94%	
Tiếp nhận, giải góp ý, phản ánh, kiến nghị kịp thời, tích cực	9,89%	11,21%	14,65%
Khác	0,65%	0,69%	

2. Đánh giá chung về những kết quả đạt được

Thứ nhất, điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng là một cuộc điều tra với quy mô lớn, với người dân, tổ chức được chọn ngẫu nhiên từ tất cả các vùng, miền trong cả nước (từ các xã, huyện thuộc tất cả các loại đơn vị hành chính cấp xã, cấp huyện của 63 tỉnh). Năm 2017, 30.741 người dân, tổ chức tham gia điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng (trên tổng số 33.900 người được chọn), năm 2018 là 32.715 người (trên tổng số 33.900 người được chọn) và năm 2019 là 35.268 người (trên tổng số 36.630 người được chọn). Do vậy, kết quả SIPAS 2017, 2018, 2019 không chỉ phản ánh được tiếng nói của người dân, tổ chức thuộc mọi thành phần, từ mọi vùng miền mà còn phản ánh một bức tranh toàn diện, chi tiết về chất lượng cung ứng dịch vụ công, sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước, từ việc tiếp cận dịch vụ, việc công khai và tuân thủ các quy định thủ tục hành chính, việc giao tiếp và xử lý công việc của đội ngũ công chức, kết quả dịch vụ mà người dân, tổ chức nhận được cho đến việc tiếp nhận, xử lý của cơ quan hành chính nhà nước đối với các ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức.

Thứ hai, kết quả SIPAS các năm qua đã giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính của Chính phủ có thêm thông tin khách quan, định lượng để phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả cải cách hành chính của các Bộ, ngành, địa phương nói chung và việc nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công nói riêng.

Thứ ba, kết quả SIPAS cũng giúp các cấp chính quyền ở địa phương nắm bắt được thực trạng chất lượng cung ứng dịch vụ công, chất lượng phục vụ người dân, tổ chức của các cơ

quan hành chính nhà nước ở địa phương cũng như sự mong đợi của người dân, tổ chức, đặc biệt khi so sánh với các địa phương khác để rút ra bài học kinh nghiệm, trên cơ sở đó tìm ra các giải pháp phù hợp để khắc phục tồn tại và nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công, phục vụ người dân, tổ chức.

Thứ tư, việc triển khai SIPAS các năm qua của Chính phủ thể hiện trách nhiệm giải trình của các cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền địa phương đối với người dân, tổ chức đồng thời là một hình thức để người dân, tổ chức thực hiện quyền và nghĩa vụ giám sát, phản ánh tiếng nói của mình đối với cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền địa phương.

Thứ năm, kết quả SIPAS năm 2017, 2018, 2019 nhìn chung cho thấy mức độ hài lòng của người dân, tổ chức tăng dần qua mỗi năm, phản ánh các nỗ lực cải cách hành chính của Chính phủ, chính quyền địa phương, các cơ quan hành chính đã mang lại hiệu quả, đặc biệt trong việc nâng cao đời sống và mang lại sự hài lòng và niềm tin cho người dân, tổ chức. Năm 2019, 84,45% người dân, tổ chức được hỏi trong cả nước cảm thấy hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước ở địa phương nói chung, tăng gần 1,5% so với năm 2018 và tăng gần 2,3% so với năm 2017.

Thứ sáu, tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng về 5 yếu tố của quá trình, kết quả cung ứng dịch vụ công của cơ quan hành chính nhà nước (gồm tiếp cận dịch vụ, thủ tục hành chính, công chức, kết quả dịch vụ và việc tiếp nhận, xử lý ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị) ở 63 tỉnh nói chung cũng tăng qua các năm, với năm 2017 nằm trong khoảng 75,43 - 85,73%, năm 2018 trong khoảng 74,07 - 88,13% và năm 2019 trong khoảng 73,66 - 88,56%. Mặc dù các mức chỉ số giữa các năm khác nhau nhưng có một điểm tương đồng giữa các năm là tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng về kết quả dịch vụ luôn cao nhất và tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng về việc tiếp nhận, xử lý ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị luôn thấp nhất. Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng về tiếp cận dịch vụ có mức tăng nhiều nhất kể từ năm 2017 đến 2019 - lên đến 8,62 %, tiếp đến là tỷ lệ hài lòng về công chức - 3,81%, tỷ lệ hài lòng về kết quả dịch vụ - 2,83% và cuối cùng là tỷ lệ hài lòng về thủ tục hành chính - 2,23%. Riêng tỷ lệ hài lòng về việc tiếp nhận, giải quyết ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị thì lại giảm qua 3 năm, với mức giảm là 1,68%. Cụ thể, tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng năm 2019 về tiếp cận dịch vụ tăng 5,68% so với năm 2018, tăng 8,62% so với năm 2017; về thủ tục hành chính tăng 0,14% so với năm 2018, tăng 2,23% so với năm 2017; về công chức giảm 0,29% so với năm 2018, tăng 3,81% so với 2017; về kết quả dịch vụ tăng 0,37% so với năm 2018, tăng 2,63% so với 2017; về việc tiếp nhận, xử lý ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị giảm 0,41% so với năm 2018, giảm 2,68% so với năm 2017.

Thứ bảy, tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng về sự phục vụ hành chính của các cơ quan hành chính nhà nước thuộc 3 cấp và 16 lĩnh vực dịch vụ được đánh giá nhìn chung đều tăng qua 3 năm. Trong 3 cấp, cấp huyện có tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng tăng nhiều nhất - 5,19%; cấp xã tăng ít nhất - 2,44%. Trong số 16 lĩnh vực dịch vụ, 14 lĩnh vực có tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng tăng, với lĩnh vực giao thông - vận tải tăng nhiều nhất - 7,83%; lĩnh vực đất đai, môi trường tăng thấp nhất - 0,19%; còn lĩnh vực tư pháp, trợ giúp pháp lý thì có tỷ lệ người dân, tổ chức giảm - 0,86%.

Thứ tám, kết quả SIPAS năm 2019 so với năm 2018, 2017 cũng cho thấy người dân, tổ chức ngày càng ít phải đi lại hơn, ít bị trễ hẹn hơn và ít bị phiền hà, sách nhiễu, tiêu cực hơn trong quá trình giải quyết công việc. Ngày càng có nhiều người dân, tổ chức nhận được thông báo, xin lỗi về sự trễ hẹn trả kết quả dịch vụ từ cơ quan có thẩm quyền.

Như vậy, qua 3 năm 2017, 2018 và 2019, nhiều tỉnh đã thực sự nỗ lực thực hiện cải cách hành chính nói chung, đặc biệt là thực hiện nâng cấp, hiện đại hóa công sở; công khai, minh bạch thông tin, quy định về thủ tục hành chính; đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức; cải cách thủ tục hành chính, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông... Những nỗ lực này đã mang lại nhiều kết quả, tác động tích cực đối với người dân, tổ chức, giúp người dân, tổ chức tiếp cận dịch vụ công dễ dàng hơn, được phục vụ tốt hơn trong quá trình giải quyết công việc và nhận được kết quả dịch vụ công có chất lượng cao hơn. Người dân, tổ chức hài lòng hơn, tin tưởng hơn đối với cơ quan hành chính nhà nước, chính quyền địa phương.

3. Những tồn tại, hạn chế

Một là, kết quả SIPAS năm 2019 cũng chỉ ra một số tồn tại, hạn chế trong cung ứng dịch vụ công, phục vụ người dân, tổ chức của cơ quan hành chính nhà nước. Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng đối với sự phục vụ hành chính của 63 tỉnh có sự cách biệt khá lớn, mặc dù sự cách biệt này được thu hẹp dần qua 3 năm. Năm 2017, là tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng về sự phục vụ hành chính của 63 tỉnh nằm trong khoảng 67,70 - 95,75%, với sự cách biệt giữa tỉnh cao nhất và thấp nhất là 28,05%; năm 2018 trong khoảng 69,98 - 97,88% với sự cách biệt giữa tỉnh cao nhất và thấp nhất là 27,90% và năm 2019 trong khoảng 73,81 - 95,26%, với sự cách biệt giữa tỉnh cao nhất và thấp nhất là 21,45%. Tỷ lệ người dân, tổ chức hài lòng đối với sự phục vụ hành chính của 63 tỉnh có sự tăng, giảm không đồng đều qua 3 năm: 25/63 tỉnh có chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính tăng bền vững, 35/63 tỉnh tăng thiếu bền vững và 03/63 tỉnh giảm. Điều này phản ánh nhiều địa phương chưa thực sự nỗ lực và chưa đạt hiệu quả trong cải cách hành chính, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công.

Hai là, theo yêu cầu của Chính phủ, đến năm 2020 các địa phương phải đảm bảo tối thiểu 30% dịch vụ công được cung ứng trực tuyến mức độ 3, 4. Tuy nhiên, SIPAS cho thấy đến năm 2019 mới có 8,20% người dân, tổ chức được hỏi trong cả nước đã tiếp cận thông tin về dịch vụ qua mạng internet và 7,34% tiếp cận quy định thủ tục hành chính qua mạng internet. Các chỉ số này của 63 tỉnh đều thấp, chỉ trong khoảng 2,42 - 19,87% và 1,67 - 21,86%. Mặc dù đã tăng hơn năm 2018 và năm 2017 nhưng các tỷ lệ này của năm 2019 vẫn là quá thấp so với mục tiêu xây dựng chính quyền điện tử, ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước và triển khai cung ứng dịch vụ công đặt ra tại Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 của Chính phủ. Ngoài ra, SIPAS 2019 đánh giá tính phù hợp của các kênh cung ứng dịch vụ công đối với người dân, tổ chức và kết quả cho thấy 84,94 % người dân, tổ chức cho rằng việc cung ứng dịch vụ công trực tuyến qua mạng internet và trả kết quả qua đường bưu điện là phù hợp. Như vậy, các bộ, ngành, địa phương cần xem xét lại việc cung cấp thông tin và cung ứng dịch vụ công trực tuyến qua mạng internet trong thời gian qua, cần đảm bảo thông tin, dịch vụ dễ tiếp cận, tính dễ sử

dụng, nhanh chóng, an toàn, bảo mật ... đối với người dân, tổ chức để người dân, tổ chức sử dụng hình thức này ngày càng nhiều hơn.

Ba là, một số yếu tố của quá trình cung ứng và kết quả dịch vụ công được người dân, tổ chức đánh giá thiếu tích cực trong năm 2017 không được khắc phục hoặc khắc phục không đáng kể trong năm 2018, 2019, đó là việc người dân, tổ chức phải đi lại nhiều lần để thực hiện dịch vụ công - năm 2017 là 2,47% đến năm 2019 là 4,45%; người dân, tổ chức bị trễ hẹn trả kết quả - năm 2017 là 5,90%, đến năm 2019 là 4,44%; người dân, tổ chức không nhận được thông báo về việc trễ hẹn - năm 2017 là 67,23% đến năm 2019 là 57,37%; và người dân, tổ chức không nhận được xin lỗi về việc trễ hẹn - năm 2017 là 88,91% và đến năm 2019 là 72,88%. Không chỉ vậy, các chỉ số phản ánh số lần người dân, tổ chức đi lại để giải quyết công việc, bị trễ hẹn, bị phiền hà, sách nhiễu, tiêu cực mặc dù ở mức thấp và có xu hướng giảm dần qua các năm, tuy nhiên đến năm 2019, 63/63 tỉnh để xảy ra tình trạng người dân, tổ chức đi lại nhiều lần, 62/63 tỉnh xảy ra trễ hẹn trả kết quả dịch vụ; 62 tỉnh trễ hẹn đều thực hiện không nghiêm quy định về thông báo, xin lỗi về việc trễ hẹn đối với người dân, tổ chức, trong đó có 01 tỉnh không thực hiện bất kỳ thông báo nào và 6 tỉnh không thực hiện bất kỳ xin lỗi nào; 62/63 tỉnh có công chức gây phiền hà, sách nhiễu; 46/63 tỉnh có công chức gọi ý người dân, tổ chức nộp thêm tiền ngoài phí/lệ phí.

Bốn là, tỷ lệ hài lòng của người dân, tổ chức nói chung trong cả nước về yếu tố tiếp nhận, xử lý ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị không chỉ thấp trong cả 3 năm 2017, 2018 và 2019 mà còn giảm dần qua các năm. Chỉ số này cũng thấp ở hầu hết các tỉnh. Có thể nói hầu hết các tỉnh chưa quan tâm, chưa thực hiện tốt việc tiếp nhận, xử lý ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức trong 3 năm qua.

Năm là, mặc dù đã giảm nhưng đến năm 2019 vẫn còn 10 tỉnh có chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước ở mức dưới 80% - thấp hơn mục tiêu đặt ra tại Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020; 20 tỉnh có chỉ số hài lòng đã đạt mục tiêu tuy nhiên chưa đạt mức độ tốt. 38/63 tỉnh có chỉ số hài lòng thiếu bền vững hoặc giảm dần qua các năm, thậm chí có tỉnh có chỉ số hài lòng giảm đến 12%. Qua đó, có thể thấy nhiều địa phương chưa quan tâm, triển khai một cách tích cực, hiệu quả một số nội dung cải cách hành chính theo yêu cầu của Chính phủ, trong đó đáng quan tâm nhất là việc thực hiện quy định của Chính phủ về việc thông báo, xin lỗi người dân, tổ chức về việc trễ hẹn trả kết quả dịch vụ; việc triển khai cung ứng dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3,4 và việc tiếp nhận, xử lý ý kiến góp ý, phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức.

Sáu là, ngoài các chỉ số phản ánh nhận định và sự hài lòng của người dân, tổ chức, SIPAS còn bao gồm các chỉ số phản ánh sự mong đợi của người dân, tổ chức đối với việc cung ứng dịch vụ công của cơ quan hành chính nhà nước. Ba nội dung mà người dân, tổ chức mong đợi nhất trong cả năm 2017, 2018 và 2019 là: (1) Mở rộng các hình thức thông tin tiếp cận dịch vụ công, (2) Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính và (3) Rút ngắn thời gian dịch vụ công. Các thông tin này rất hữu ích đối với chính quyền địa phương các cấp. Để có được các giải pháp phù hợp nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu, mong đợi của người dân, tổ chức thì chính quyền không chỉ cần phải nắm bắt được mức độ

hài lòng của người dân, tổ chức mà còn cần phải hiểu được người dân, tổ chức mong muốn gì. Trên cơ sở đó, chính quyền địa phương xác định ưu tiên cải thiện không chỉ các yếu tố nhận được sự hài lòng thấp mà còn cả yếu tố quan trọng đối với người dân, tổ chức, được người dân, tổ chức mong đợi nhiều.

Bây là, việc triển khai đo lường sự hài lòng của Bộ Nội vụ trong những năm qua đã làm thay đổi nhận thức và văn hóa làm việc của các cơ quan hành chính nhà nước, đội ngũ công chức theo hướng lấy người dân, tổ chức làm trung tâm, vì sự hài lòng của người dân, tổ chức cũng như thay đổi phương pháp đánh giá kết quả, chất lượng dịch vụ công theo hướng dựa trên ý kiến phản hồi và sự hài lòng của người dân, tổ chức. Đồng thời, việc triển khai đo lường sự hài lòng cũng tạo cơ hội, điều kiện để người dân, tổ chức đưa ra tiếng nói của mình và nâng cao nhận thức về quyền và nghĩa vụ của bản thân trong việc xây dựng một nền hành chính phục vụ, ngày càng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của người dân, tổ chức và mang lại sự hài lòng cho người dân, tổ chức. Có thể thấy những thay đổi mà việc triển khai đo lường sự hài lòng trong những năm qua mang lại thông qua các hình ảnh, sự kiện như: Ngày càng có nhiều cơ quan, đơn vị từ Trung ương đến địa phương đặt sự hài lòng của người dân, tổ chức làm mục tiêu thực thi nhiệm vụ; nhiều chương trình, bài viết đề cập đến/về sự hài lòng của người dân, tổ chức trên các phương tiện thông tin đại chúng, các trang thông tin điện tử của các cơ quan cũng như trên các tờ báo, mạng thông tin xã hội... Các cơ quan, công chức đã quan tâm và triển khai cải cách hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công tích cực, hiệu quả hơn, mang lại sự hài lòng và niềm tin ngày càng cao hơn cho người dân, tổ chức đối với Chính phủ, chính quyền địa phương, các cơ quan, công chức.

4. Đề xuất, kiến nghị

Thứ nhất, đối với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, tiếp tục quan tâm, chỉ đạo việc triển khai đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức và tạo điều kiện, bố trí nguồn lực phù hợp để việc triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng dịch vụ công theo hướng đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu, mong đợi của người dân, tổ chức, từ đó góp phần thực hiện thành công mục tiêu xây dựng nền hành chính phục vụ theo Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020.

Chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương sử dụng hiệu quả kết quả Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính hàng năm để làm cơ sở xác định, thực hiện các giải pháp nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công, sự hài lòng của người dân, tổ chức. Thực hiện biểu dương, khen thưởng, xử lý đối với các bộ, ngành, địa phương có Chỉ số SIPAS không đáp ứng yêu cầu của cải cách hành chính nhằm tạo sự lan tỏa, động lực thúc đẩy trong việc cung ứng dịch vụ hành chính công, phục vụ người dân, tổ chức tốt hơn.

Chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương triển khai có hiệu quả các lĩnh vực, nội dung cải cách hành chính liên quan, tác động đến việc cung ứng dịch vụ công, phục vụ người dân, tổ chức của các cơ quan hành chính nhà nước các cấp, đặc biệt là các lĩnh vực, nội dung được người dân, tổ chức đánh giá chưa tốt, hài lòng thấp hay mong đợi cải thiện nhiều hơn.

Chỉ đạo các cơ quan thông tin truyền thông tích cực thực hiện thông tin, tuyên truyền đầy đủ, kịp thời, khách quan về kết quả cải cách hành chính nói chung, kết quả Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính nói riêng tới người dân, tổ chức nhằm góp phần nâng cao nhận thức của người dân, tổ chức về quyền lợi và trách nhiệm trong việc tham gia giám sát, phản hồi ý kiến về chất lượng cung ứng dịch vụ công, chất lượng phục vụ người dân, tổ chức của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

Quan tâm chỉ đạo, tạo điều kiện, bố trí nguồn lực phù hợp cho hoạt động triển khai đo lường sự hài lòng về sự phục vụ hành chính nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ công, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu, mong đợi của người dân, tổ chức, từ đó góp phần thực hiện thành công mục tiêu xây dựng nền hành chính phục vụ theo Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, đáp ứng được yêu cầu hội nhập quốc tế.

Thứ hai, đối với các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, sử dụng hiệu quả kết quả SIPAS hàng năm, đặc biệt chú trọng các khía cạnh, nội dung mà người dân, tổ chức đánh giá chưa cao, đồng thời, cũng cần quan tâm đến khía cạnh, nội dung mà người dân, tổ chức mong đợi cơ quan hành chính nhà nước tập trung ưu tiên cải thiện. Đánh giá, xác định nguyên nhân của các tồn tại; xây dựng, thực hiện kế hoạch hành động, giải pháp khắc phục tồn tại nhằm nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công, chất lượng phục vụ người dân, tổ chức của các cơ quan hành chính nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực, địa phương.

Định kỳ đánh giá việc triển khai và kết quả triển khai thông tin, tuyên truyền, sử dụng các chỉ số SIPAS hàng năm trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương và báo cáo kết quả đánh giá lồng ghép trong báo cáo cải cách hành chính gửi về Bộ Nội vụ để tổng hợp, trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, khen thưởng, xử lý nghiêm túc, kịp thời đối với việc triển khai và kết quả triển khai các nội dung cải cách hành chính liên quan đến chất lượng cung ứng dịch vụ công, chất lượng phục vụ người dân, tổ chức. Thông tin, tuyên truyền kịp thời, phù hợp nhằm nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người dân, tổ chức về mục đích, ý nghĩa, nội dung của SIPAS giai đoạn 2017 - 2020 nói chung và kết quả SIPAS hàng năm. Chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá, xử lý nghiêm túc, kịp thời việc xây dựng, quản lý và khai thác cơ sở dữ liệu về thủ tục hành chính và dịch vụ công tại các cấp chính quyền địa phương để đảm bảo dữ liệu được cập nhật kịp thời, đúng quy định và có thông tin đầy đủ, chính xác.

Xây dựng văn hóa ứng xử, phục vụ người dân, tổ chức theo hướng lấy người dân, tổ chức làm trung tâm, vì sự hài lòng của người dân, tổ chức trong đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý của ngành, địa phương thông qua các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, quản lý, khen thưởng, kỷ luật... cán bộ, công chức, viên chức.

Đối với Ủy ban nhân dân 63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chỉ đạo, đôn đốc các cơ quan liên quan đến điều tra xã hội học đo lường sự hài lòng ở địa phương phải đảm bảo tính nghiêm túc, trung thực, đúng quy định trong quá trình chọn mẫu điều tra xã hội học, phát, thu phiếu điều tra xã hội học, phúc tra kết quả điều tra xã hội học trong thời gian tới; nhắc nhở, xử lý các cơ quan, cá nhân thực hiện không nghiêm túc, không trung thực, đúng quy định hàng năm.

Đối với Bộ Tài nguyên và Môi trường phụ trách các dịch vụ công thuộc lĩnh vực đất đai và Ủy ban nhân dân của 10 tỉnh có Chỉ số hài lòng về sự phục vụ hành chính năm 2019 chưa đạt mục tiêu đề ra tại Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020, cần tập trung đẩy mạnh, thực hiện hiệu quả, thiết thực công tác cải cách hành chính, nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ công, chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đối với người dân, tổ chức để đảm bảo đạt mục tiêu cải cách hành chính của Chính phủ là “Hơn 80% người dân, tổ chức hài lòng về sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước vào năm 2020”. Đối với các tỉnh còn lại, cần tiếp tục duy trì, phát huy và đảm bảo tính bền vững của các thành tích hiện nay.

Thứ ba, đối với cơ quan thông tin, truyền thông, tăng cường thông tin, tuyên truyền về mục đích, ý nghĩa, nội dung của SIPAS giai đoạn 2017 - 2020, kết quả SIPAS hàng năm theo nhiều hình thức thiết thực nhằm nâng cao nhận thức, hiểu biết về quyền lợi, trách nhiệm và thúc đẩy sự tham gia của người dân, tổ chức trong việc giám sát và phản hồi ý kiến về chất lượng cung ứng dịch vụ công, phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đối với chính quyền, cơ quan hành chính nhà nước, công chức. Tăng cường đưa tin về những việc làm tốt và chưa tốt của các Bộ, ngành, địa phương trong dịch vụ công, cung ứng dịch vụ công; về phản ánh, kiến nghị của người dân, tổ chức để góp phần cùng với các bộ, ngành, địa phương xây dựng một nền hành chính phục vụ theo yêu cầu của công cuộc cải cách hành chính ở nước ta.

Thứ tư, đối với Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Trung ương Hội Cựu chiến binh Việt Nam, tiếp tục phối hợp hiệu quả với Bộ Nội vụ thực hiện đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức năm 2020; phát huy các điểm mạnh và khắc phục các tồn tại liên quan đến việc giám sát các hoạt động đo lường sự hài lòng, phúc tra kết quả phát, thu phiếu điều tra xã hội học trong 3 năm qua; hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc kịp thời, hiệu quả các tổ chức ngành dọc ở các địa phương trong cả nước để đảm bảo thực hiện một cách chủ động, tích cực, có chất lượng công tác giám sát chọn mẫu điều tra xã hội học đối với Sở Nội vụ; giám sát, phúc tra kết quả phát, thu phiếu điều tra xã hội học đối với Bộ Nội vụ nhằm đảm bảo kết quả đo lường sự hài lòng phản ánh đúng thực tiễn chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công, phục vụ người dân, tổ chức và mức độ hài lòng của người dân, tổ chức hiện nay.

Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền về việc triển khai và kết quả triển khai SIPAS thông qua các hình thức khác nhau, đảm bảo người dân, tổ chức thuộc mọi thành phần, ở mọi vùng miền được dễ dàng, kịp thời tiếp cận, nắm bắt và sử dụng kết quả SIPAS để giám sát, phản hồi ý kiến với chính quyền, cơ quan, công chức giúp nâng cao chất lượng cung ứng dịch vụ hành chính công, sự phục vụ người dân, tổ chức, nâng cao mức độ hài lòng của người dân, tổ chức.

Thứ năm, đối với Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, tiếp tục phối hợp hiệu quả với Bộ Nội vụ thực hiện điều tra xã hội học SIPAS 2020; phát huy các điểm mạnh và khắc phục các tồn tại liên quan đến việc phát, thu phiếu điều tra xã hội học trong 03 năm qua; tăng cường trách nhiệm người đứng đầu và áp dụng các hình thức xử lý phù hợp với những đơn vị, cá nhân mắc sai sót, khuyết điểm trong quá trình thực hiện phát, thu phiếu để đảm bảo kết quả điều tra xã hội học trung thực, khách quan.

Nguồn: Báo cáo chuyên đề của Bộ Nội vụ tổng kết Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2011 - 2020 của Ban Chỉ đạo cải cách hành chính của Chính phủ

CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG THÔNG TIN ĐỐI NGOẠI: KHI NHIỆM VỤ THUỘC VỀ “NGƯỜI ĐÁNH CHIÊNG”

Trong một nhiệm vụ mà thông tin chính là vũ khí đặc lực, việc chuyển đổi số và tận dụng những cơ hội từ cuộc cách mạng công nghệ thông tin chính là bước chuyển mình then chốt.

Dưới ảnh hưởng của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và dịch bệnh COVID-19, mọi lĩnh vực của đời sống quốc tế đều biến chuyển mạnh mẽ. Trong hoàn cảnh phải giới hạn tương tác trực tiếp, cùng với sự hỗ trợ đặc lực của những tiến bộ về công nghệ thông tin, quá trình chuyển đổi số đã len lỏi và dần chi phối nhiều hoạt động của con người.

Năm 2021, là năm thứ 2 chứng kiến những tác động kéo dài của dịch bệnh COVID-19 lên mọi mặt của đời sống chính trị - xã hội, trong đó có ngoại giao. Trong một lĩnh vực mà sự tiếp xúc trực tiếp có vai trò quyết định đến thành quả như hoạt động ngoại giao thì “giãn cách” là một thách thức không nhỏ. Thách thức này cũng là một chướng ngại phải vượt qua đối với công tác thông tin đối ngoại - một trong những lực lượng tuyến đầu của hoạt động Ngoại giao Việt Nam.

Trước nhiệm vụ của thời đại mới

Cũng như với toàn cầu hóa, không một quốc gia nào có thể đứng bên ngoài những diễn biến và tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, với đặc trưng nổi bật là sự phát triển như vũ bão của công nghệ thông tin.

Nhận thức được xu thế này của thời đại, Chính phủ đã sớm phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia, đưa Việt Nam trở thành một trong những quốc gia tiên phong trong việc xây dựng một kế hoạch chuyên đề về chuyển đổi số.

Với ba trụ cột chính là Chính phủ số, kinh tế số và xã hội số, Chương trình Chuyển đổi số quốc gia có giá trị định hướng để Việt Nam chuyển mình, tận dụng triệt để những cơ hội mà cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư mang lại.

Đây là nhiệm vụ của toàn bộ hệ thống chính trị, cần được triển khai thống nhất và xuyên suốt từ trung ương đến địa phương. Với tư cách là “mặt trận chiến lược”, “mũi chủ công” quan trọng của đất nước, ngành đối ngoại Việt Nam cũng không đứng ngoài xu thế và nhiệm vụ chiến lược ấy.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng chia sẻ về vai trò của ngành Ngoại giao trong sự phát triển của quốc gia: “Thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng”. Nói theo cách của Người, thì “người đánh chiêng” không ai khác, chính là lực lượng làm công tác thông tin đối ngoại.

Đây là lực lượng tuyến đầu thực hiện Ngoại giao tâm công, đưa những ấn tượng mang tên “Việt Nam” vào tâm thức của thế giới, từ đó tạo nên thiện cảm, góp phần định hình vị thế quốc gia trong tiến trình hội nhập toàn cầu. Trong một nhiệm vụ mà “thông tin” chính là vũ khí đặc lực như vậy, việc “chuyển đổi số” và tận dụng những cơ hội từ cuộc cách mạng công nghệ thông tin chính là bước chuyển mình then chốt.

Báo chí đối ngoại thời COVID

Thông tin đối ngoại là một mặt trận với lực lượng chủ chốt là đội ngũ những người làm báo chí đối ngoại - những “con thoi” dệt nên bức tranh thông tin với những mảng miếng đan xen, đa sắc và luôn biến động phức tạp.

Đây là lực lượng chính trong hoạt động thông tin, tuyên truyền những đường lối, chủ trương của Đảng và lập trường của Việt Nam cho nhân dân thế giới, giúp thế giới đến gần và hiểu rõ hơn đất nước, con người Việt Nam.

Song song với nhiệm vụ cung cấp và định hướng thông tin, những người làm báo chí đối ngoại còn liên tục phải đấu tranh, phản bác những luận điệu xuyên tạc, chống phá của các thế lực thù địch, góp phần quan trọng vào nhiệm vụ “bảo vệ đất nước từ sớm, từ xa”.

Chủ tịch Hồ Chí Minh từng chia sẻ về vai trò của ngành ngoại giao trong sự phát triển của quốc gia: “Thực lực là cái chiêng mà ngoại giao là cái tiếng”. Nói theo cách của Người, thì “người đánh chiêng” không ai khác, chính là lực lượng làm công tác thông tin đối ngoại.

Trong bối cảnh dịch bệnh, dưới ảnh hưởng của cuộc cách mạng công nghệ thông tin, nhiệm vụ mới đặt ra cho đội ngũ phóng viên đối ngoại là phải chuyển đổi “phương thức tác chiến” sao cho phù hợp với tình hình mà vẫn đảm bảo hiệu quả.

Đây là một trọng trách không nhỏ, khi mà càng sống trong giãn cách, con người lại càng “đói” thông tin. Những phóng viên đối ngoại, vì thế, vừa phải đương đầu với việc bị COVID-19 “tước bỏ” ít nhiều quyền năng tương tác trực tiếp, vừa phải đảm bảo cung cấp kịp thời, trung thực và đúng đắn một lượng thông tin khổng lồ.

Bên cạnh đó, việc con người được tự do chia sẻ và tiếp nhận thông tin trên những nền tảng số khiến việc đấu tranh với tin giả và những luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch trở nên phức tạp và cấp thiết hơn. Trong tình thế này, không những lực lượng phóng viên đối ngoại Việt Nam không bị “vây khốn”, mà còn chứng tỏ được bản lĩnh, khả năng làm mới mình và làm chủ tình hình.

Trong tháng Việt Nam làm Chủ tịch Hội đồng Bảo an Liên hợp quốc (4/2021), đội ngũ báo chí đối ngoại đã cung cấp một lượng thông tin ấn tượng, gồm trên 3.200 tin, bài dưới nhiều hình thức, đáp ứng kịp thời và hiệu quả nhu cầu thông tin của dư luận trong nước. Mặc dù bị cản trở bởi dịch bệnh, nhưng những hoạt động đối ngoại của Lãnh đạo cấp cao Việt Nam vẫn được đưa tin đầy đủ, như Hội nghị các nhà Lãnh đạo Cấp cao ASEAN (4/2021) hay Hội nghị Ngoại trưởng ASEAN - Trung Quốc tại Trùng Khánh (6/2021).

Hoàn cảnh tác nghiệp mới đã thử thách và rèn luyện khả năng “đa nhiệm” của những phóng viên đối ngoại: giờ đây, bên cạnh việc đưa tin đơn thuần, mỗi phóng viên đối ngoại đều phải thành thạo kỹ năng quay phim, chụp ảnh, sử dụng thuần thục các phương tiện truyền thông mới, các nền tảng mạng xã hội, và tổ chức tin bài mình theo những hình thức mới - tất cả đều được tiến hành dưới áp lực thời gian.

Dịch bệnh và áp lực đổi mới vừa là thách thức, vừa là cơ hội để đội ngũ phóng viên đối ngoại được cọ xát, nâng cao nghiệp vụ, bản lĩnh của mình. Trong nửa đầu năm 2021 vừa qua, báo chí đối ngoại Việt Nam đã chứng minh rằng mình đã tận dụng được cơ hội đó.

Ghi nhận về những đóng góp nổi bật của đội ngũ phóng viên đối ngoại, Người phát ngôn Bộ Ngoại giao Lê Thị Thu Hằng đã khẳng định, trong những hoàn cảnh tác nghiệp khó khăn, “phóng viên Việt Nam đã thể hiện khả năng, kỹ năng, nghiệp vụ và bản lĩnh không thua kém báo giới quốc tế”.

Tình hình mới, bối cảnh mới, cách làm mới

Không chỉ lực lượng phóng viên đối ngoại đứng trước sức ép phải chuyển mình, mà quá trình chuyển đổi số còn trở thành yêu cầu chung của toàn bộ hệ thống thông tin đối ngoại. Tình hình mới đã “thổi” vào hoạt động thông tin đối ngoại một luồng gió mới, được thể hiện rõ ràng qua việc tổ chức những cuộc họp báo trực tuyến, qua việc thành lập “trung tâm báo chí ảo”, hay sự hoạt động tích cực của các nhà lãnh đạo về đối ngoại trên các nền tảng mạng xã hội.

Nổi bật, dù chỉ bước sang nhiệm kỳ mới được vài tháng, nhưng tài khoản Twitter của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao Bùi Thanh Sơn đến nay có gần 2000 người theo dõi, với gần 570 nghìn lượt tương tác, có những ngày đăng tới 8 tweet (27/4) với hơn 220 nghìn lượt tương tác.

Các cơ quan đại diện Việt Nam tại nước ngoài cũng tích cực sử dụng mạng xã hội trong công tác tuyên truyền đối ngoại, hướng tới hình thành một “hệ sinh thái mạng xã hội” nhằm thúc đẩy công tác thông tin đối ngoại phù hợp với yêu cầu của tình hình mới.

Nhằm khắc phục khó khăn cho những phóng viên nước ngoài không thể đến Việt Nam để đưa tin về Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng (01/2021), “Trung tâm báo chí ảo” đã được thành lập, cấp tài khoản cho gần 100 phóng viên nước ngoài ở 30 quốc gia trên thế giới tham gia tác nghiệp trực tuyến tại Đại hội.

Sáng kiến này nhận được sự hoan nghênh và ghi nhận của đội ngũ phóng viên quốc tế, cho rằng đây là phương án thuận lợi nhất để dù không vào được Việt Nam, họ vẫn thuận lợi tác nghiệp và tiếp cận được các thông tin quan trọng.

Bên cạnh đó, công tác phát ngôn của Bộ Ngoại giao vẫn được duy trì đều đặn bất chấp dịch bệnh. Kể từ đầu năm 2021, Bộ Ngoại giao Việt Nam duy trì 12 cuộc họp báo thường kỳ của Người phát ngôn với đội ngũ báo chí, trong đó có 5 cuộc được tổ chức theo hình thức trực tuyến.

Trong các cuộc họp báo, bên cạnh việc thông tin kịp thời cho đội ngũ phóng viên trong nước và quốc tế về tình hình chính trị - xã hội của đất nước, Người phát ngôn Bộ Ngoại giao cũng đã bày tỏ lập trường của Việt Nam về những vấn đề quan trọng, như phản đối phong trào phân biệt đối xử người châu Á ở Hoa Kỳ, khẳng định không có sự phân biệt đối xử với người nước ngoài trong tiêm chủng, đồng thời bác bỏ những thông tin sai trái trong các báo cáo về nhân quyền.

Nhờ sự thích ứng kịp thời trên nền tảng trực tuyến, không một cuộc họp báo nào với đội ngũ báo chí bị hủy bỏ, nhờ vậy mà quá trình thông tin, đối chất và đấu tranh dư luận vẫn diễn ra xuyên suốt, kịp thời và hiệu quả, bất chấp những cản trở của dịch bệnh.

Bước vào kỷ nguyên mới, Việt Nam đang cùng thế giới trải qua những thay đổi chưa từng có, với những thách thức và cơ hội đan xen, đòi hỏi khả năng chuyển đổi và làm mới mình không ngừng nghỉ. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng đã nhấn mạnh nhiệm vụ “đổi mới, sáng tạo” đối với đội ngũ cán bộ làm công tác đối ngoại và hội nhập quốc tế, nhằm chủ động thích ứng với những chuyển biến của tình hình.

Thực tế nửa đầu năm 2021 đã chứng minh rằng, với khả năng “số hóa” toàn diện, kịp thời, lực lượng thông tin đối ngoại của đất nước đã và đang nỗ lực hết mình để thực hiện nhiệm vụ đó.

Trên con đường “nâng cao vị thế và uy tín của đất nước”, Việt Nam có cơ sở để đặt niềm tin, kỳ vọng vào đội ngũ thực hiện công tác thông tin đối ngoại, những “người đánh chiêng” nhiệt huyết và không ngừng hoàn thiện, để “tiếng chiêng” ngoại giao Việt Nam tiếp tục là một thanh âm đẹp, cộng hưởng hài hòa vào bản đại tổng phổ của các quốc gia, dân tộc khắp năm châu.

Nguồn: baoquocte.vn

QUỐC HỘI: THÔNG QUA MỘT SỐ NGHỊ QUYẾT

*** Nghị quyết về kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 - 2025**

Họp phiên toàn thể tại Hội trường vào sáng ngày 28/7, với 479/479 đại biểu biểu quyết tán thành, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết về kế hoạch tài chính quốc gia và vay, trả nợ công 5 năm giai đoạn 2021 - 2025.

Mục tiêu tổng quát được Nghị quyết quyết nghị là: Huy động, phân bổ, quản lý, sử dụng có hiệu quả tổng thể các nguồn lực, trong đó nguồn lực bên trong là chiến lược, cơ bản, lâu dài kết hợp hiệu quả với nguồn lực bên ngoài là quan trọng, phục vụ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giải quyết các vấn đề an sinh xã hội, tăng cường quốc phòng, an ninh, chủ động hội nhập quốc tế; tiếp tục cơ cấu lại ngân sách nhà nước, tăng tỷ trọng các nguồn thu bền vững, triệt để tiết kiệm chi thường xuyên để tăng chi đầu tư phát triển, bảo đảm vai trò chủ đạo của ngân sách trung ương, tăng cường phân cấp, phân quyền, tạo sự chủ động của ngân sách địa phương gắn với nâng cao và cá thể hóa trách nhiệm; quản lý chặt chẽ nợ công, giữ vững an ninh, an toàn nền tài chính quốc gia; siết chặt kỷ luật, kỷ cương, nâng cao trách nhiệm giải trình, bảo đảm công khai, minh bạch; tăng cường công tác giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý tài chính quốc gia.

Các mục tiêu cụ thể theo Nghị quyết là: Tổng thu ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 8,3 triệu tỷ đồng; tỷ lệ huy động vào ngân sách nhà nước bình quân không thấp hơn 16% GDP, trong đó, từ thuế, phí khoảng 13 - 14% GDP; tỷ trọng thu nội địa bình quân khoảng 85 - 86% tổng thu ngân sách nhà nước.

Tổng chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 khoảng 10,26 triệu tỷ đồng, trong đó tỉ trọng chi đầu tư phát triển bình quân khoảng 28%, tỷ trọng chi thường xuyên bình quân khoảng 62 - 63% tổng chi ngân sách nhà nước. Trong tổ chức thực hiện, phấn đấu tăng tỷ trọng chi đầu tư phát triển đạt khoảng 29%, giảm tỷ trọng chi thường xuyên xuống khoảng 60%.

Tổng chi đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước khoảng 2,87 triệu tỷ đồng, trong đó: Chi từ nguồn vốn ngoài nước khoảng 300.000 tỷ đồng, chi từ nguồn cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước khoảng 248.000 tỷ đồng.

Tỷ lệ bội chi ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 bình quân 3,7% GDP, trong đó: Bội chi ngân sách trung ương bình quân 3,4% GDP, bội chi ngân sách địa phương bình quân 0,3% GDP; trong tổ chức thực hiện, phấn đấu giảm xuống dưới 3,7% GDP.

Tổng mức vay trong giai đoạn 2021 - 2025 là 3,068 triệu tỷ đồng, trong đó mức vay của ngân sách trung ương khoảng 2,9 triệu tỷ đồng; nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ khoảng 1,7 triệu tỷ đồng; tổng mức vay của ngân sách địa phương khoảng 148.000 tỷ đồng,

mức vay của từng địa phương trong phạm vi giới hạn nợ theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; nghĩa vụ trả nợ của chính quyền địa phương khoảng 35,3 nghìn tỷ đồng.

Hạn mức bảo lãnh Chính phủ và hạn mức vay về cho vay lại vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài trong giai đoạn 2021 - 2025: Tốc độ tăng dư nợ bảo lãnh Chính phủ năm sau không vượt quá tốc độ tăng GDP danh nghĩa của năm trước, riêng hạn mức bảo lãnh cho hai ngân hàng chính sách tối đa bằng nghĩa vụ trả nợ gốc hằng năm. Hạn mức rút vốn ròng các khoản vay được Chính phủ bảo lãnh cả giai đoạn không quá 76,5 nghìn tỷ đồng và hạn mức rút vốn các khoản Chính phủ vay về cho vay lại không quá 222.000 tỷ đồng.

Bảo đảm an toàn nợ công, với các mục tiêu: Tràn nợ công hằng năm không quá 60% GDP, ngưỡng cảnh báo là 55% GDP. Tràn nợ Chính phủ hằng năm không quá 50% GDP; ngưỡng cảnh báo là 45% GDP. Tràn nợ nước ngoài của quốc gia hằng năm không quá 50% GDP; ngưỡng cảnh báo là 45% GDP. Nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Chính phủ (không bao gồm cho vay lại) không quá 25% tổng thu ngân sách nhà nước. Nghĩa vụ trả nợ nước ngoài của quốc gia (không bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc ngắn hạn dưới 12 tháng) không quá 25% tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ.

Nghị quyết yêu cầu Chính phủ, các Bộ, cơ quan Trung ương và chính quyền địa phương các cấp theo chức năng, nhiệm vụ được giao, tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết.

Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Tài chính, Ngân sách, Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban khác của Quốc hội, các Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

*** Nghị quyết điều chỉnh và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2019**

Nghị quyết điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước và phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2019 được Quốc hội thông qua sáng 28/7 với 476/477 đại biểu tham gia biểu quyết tán thành.

Nghị quyết quyết nghị điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2019 cụ thể như sau: Điều chỉnh giảm dự toán chi thường xuyên, đồng thời tăng tương ứng dự toán chi đầu tư phát triển năm 2019 của Bộ Tài chính số tiền 2.240.210 triệu đồng.

Phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước năm 2019: Tổng số thu cân đối ngân sách nhà nước là 2.139.639.446 triệu đồng, bao gồm cả số thu chuyển nguồn từ năm 2018 chuyển sang năm 2019, thu kết dư ngân sách địa phương năm 2018, thu từ quỹ dự trữ tài chính theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Tổng số chi cân đối ngân sách nhà nước là 2.119.541.763 triệu đồng, bao gồm cả số chi chuyển nguồn từ năm 2019 sang năm 2020.

Bội chi ngân sách nhà nước là 161.490.730 triệu đồng, bằng 2,67% tổng sản phẩm trong nước (GDP), không bao gồm kết dư ngân sách địa phương.

Nguồn bù đắp bội chi ngân sách Trung ương gồm: Vay trong nước 123.312.361 triệu đồng; vay ngoài nước 38.178.369 triệu đồng.

Tổng mức vay của ngân sách nhà nước để bù đắp bội chi và trả nợ gốc là 345.310.506 triệu đồng.

Nghị quyết giao Chính phủ công khai quyết toán ngân sách nhà nước năm 2019 theo đúng quy định của pháp luật. Chỉ đạo các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp và các đơn vị quản lý thu, chi sử dụng ngân sách nhà nước kịp thời khắc phục những tồn tại, hạn chế được nêu trong Báo cáo thẩm tra số 08/BC-UBTCNS15 ngày 21/7/2021 của Ủy ban Tài chính - Ngân sách của Quốc hội, kết luận, kiến nghị được nêu trong Báo cáo số 181/BC-KTNN ngày 8/7/2021 của Kiểm toán Nhà nước và ý kiến của đại biểu Quốc hội tại kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khóa XV về quyết toán ngân sách nhà nước năm 2019.

Chỉ đạo các Bộ, cơ quan Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực công tác quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước; cải cách chính sách thu - chi để cơ cấu lại thu-chi ngân sách; chấn chỉnh tình trạng trốn thuế, nợ đọng thuế; chỉnh đốn công tác quản lý chi đầu tư từ khâu lập, phân bổ, giao dự toán đến thực hiện và quyết toán; quản lý chặt chẽ các khoản chi chuyển nguồn, xử lý nghiêm các trường hợp để nợ đọng xây dựng cơ bản, chuyển nguồn, tạm ứng ngân sách sai quy định, đồng thời có giải pháp thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công, thực hiện các khoản chi thường xuyên theo quy định để giảm mạnh chi chuyển nguồn, kết dư ngân sách địa phương; kiểm soát chặt chẽ bội chi, nợ công để bảo đảm an ninh tài chính quốc gia, đẩy mạnh thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

Kiểm điểm làm rõ trách nhiệm, xử lý nghiêm, kịp thời các tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước. Báo cáo Quốc hội danh sách, mức độ vi phạm, hình thức xử lý, kết quả xử lý vi phạm của các tổ chức, đơn vị, cá nhân liên quan trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước niên độ 2019 khi trình Báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước năm 2020.

Nguồn: baochinhphu.vn

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH: KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI “CHƯƠNG TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ NGÀNH THƯ VIỆN ĐẾN NĂM 2025, ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2030”

Thực hiện Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 11/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch đã ban hành Kế hoạch triển khai “Chương trình chuyển đổi số ngành thư viện đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Kế hoạch xác định nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu, phân công cụ thể nội dung công việc cho các cơ quan, đơn vị của Bộ phối hợp thực hiện. Đồng thời, Kế hoạch là căn cứ

để các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng triển khai, tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nội dung của Chương trình.

Kế hoạch xác định lộ trình triển khai các nhiệm vụ trọng tâm trong 02 giai đoạn: 2021 - 2025 và 2026 - 2030. Trong đó, giai đoạn 2021 - 2025 tập trung các nhiệm vụ phục vụ chuyển đổi số và quản lý ngành thư viện về chuyển đổi số, hoạt động truyền thông về chuyển đổi số và kết nối liên thông thư viện, xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thư viện (tập trung vào quy trình hoạt động thư viện; chuyên môn nghiệp vụ thư viện; liên thông thư viện; số hóa tài liệu thư viện), nâng cao trình độ nguồn nhân lực thư viện (tập trung vào quản lý thư viện hiện đại, trình độ chuyển đổi số trong thư viện), học tập kinh nghiệm các quốc gia phát triển mạnh về chuyển đổi số thư viện... Giai đoạn 2026 - 2030, tiếp tục triển khai, đẩy mạnh các hoạt động chuyển đổi số, dữ liệu số ngành thư viện ở giai đoạn 2021 - 2025, chuẩn bị thực hiện liên thông ở mọi loại hình thư viện, cung ứng hiệu quả dịch vụ cho người sử dụng thư viện phù hợp với yêu cầu của tình hình mới, thực hiện các Dự án: Dự án Số hóa tài liệu tập trung; Dự án Xây dựng mục lục liên hợp sử dụng chung; Dự án Xây dựng cơ sở dữ liệu về thư viện Việt Nam.

Bộ xác định yêu cầu việc tổ chức triển khai Chương trình phải được chuẩn bị chu đáo, hiệu quả; đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị liên quan; nội dung triển khai Chương trình phải đảm bảo tính khoa học, đúng chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị để việc thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm của Chương trình đạt mục tiêu đề ra.

Kế hoạch triển khai Chương trình góp phần hiện thực hóa mục tiêu ứng dụng mạnh mẽ, toàn diện công nghệ thông tin, nhất là công nghệ số nhằm nâng cao năng lực hoạt động của các thư viện và hình thành mạng lưới thư viện hiện đại; bảo đảm cung ứng dịch vụ đáp ứng nhu cầu của người sử dụng; thu hút đông đảo người dân quan tâm, sử dụng dịch vụ thư viện, góp phần phát triển “văn hóa đọc”, xây dựng xã hội học tập.

Trần Trang, Vụ Cải cách hành chính, Bộ Nội vụ

NHÂN SỰ MỚI CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

* Quốc hội:

Ông Nguyễn Xuân Phúc, Ủy viên Bộ Chính trị khóa XIII, Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhiệm kỳ 2016 - 2021 (từ tháng 4/2021), đại biểu Quốc hội khóa XV tiếp tục được bầu giữ chức vụ Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Phạm Minh Chính, Ủy viên Bộ Chính trị khóa XIII, Thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ 2016 - 2021 (từ tháng 4/2021), đại biểu Quốc hội khóa XV tiếp tục được bầu giữ chức vụ Thủ tướng Chính phủ nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Bà Võ Thị Ánh Xuân, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Phó Chủ tịch nước nhiệm kỳ 2016 - 2021, đại biểu Quốc hội khóa XV được bầu giữ chức vụ Phó Chủ tịch nước nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Nguyễn Hoà Bình, Ủy viên Bộ Chính trị khóa XIII, Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao nhiệm kỳ 2016 - 2021, đại biểu Quốc hội khóa XV tiếp tục được bầu giữ chức vụ Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Ông Lê Minh Trí, Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao nhiệm kỳ 2016 - 2021, đại biểu Quốc hội khóa XV tiếp tục được bầu giữ chức vụ Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân Tối cao nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Quốc hội đã phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm 4 Phó Thủ tướng và 22 Bộ trưởng, Trưởng ngành nhiệm kỳ Chính phủ 2021 - 2026.

Cụ thể, 4 nhân sự được phê chuẩn bổ nhiệm vị trí Phó Thủ tướng là các ông: Phạm Bình Minh; Lê Minh Khái; Vũ Đức Đam và Lê Văn Thành.

Nhân sự được phê chuẩn việc bổ nhiệm các vị trí Bộ trưởng là: Đại tướng Phan Văn Giang, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng; Đại tướng Tô Lâm, Bộ trưởng Bộ Công an; ông Bùi Thanh Sơn, Bộ trưởng Bộ Ngoại giao; bà Phạm Thị Thanh Trà, Bộ trưởng Bộ Nội vụ; ông Lê Thành Long, Bộ trưởng Bộ Tư pháp; ông Nguyễn Chí Dũng, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch Đầu tư; ông Hồ Đức Phớc, Bộ trưởng Bộ Tài Chính; ông Nguyễn Hồng Diên, Bộ trưởng Bộ Công Thương; ông Lê Minh Hoan, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; ông Nguyễn Văn Thê, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải; ông Nguyễn Thanh Nghị, Bộ trưởng Bộ Xây dựng; ông Trần Hồng Hà, Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường; ông Nguyễn Mạnh Hùng, Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông; ông Đào Ngọc Dung, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội; ông Nguyễn Văn Hùng, Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; ông Huỳnh

Thành Đạt, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ; ông Nguyễn Kim Sơn, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; ông Nguyễn Thanh Long, Bộ trưởng Bộ Y tế.

Bốn nhân sự được phê chuẩn bổ nhiệm Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ gồm: ông Trần Văn Sơn, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ; ông Hầu A Lệnh, Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc; bà Nguyễn Thị Hồng, Thống đốc Ngân hàng Nhà nước và ông Đoàn Hồng Phong, Tổng thanh tra Chính phủ.

Với 472/476 đại biểu tham gia biểu quyết tán thành, bằng 94,59% số đại biểu Quốc hội, Quốc hội đã chính thức phê chuẩn đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân Tối cao về việc bổ nhiệm thẩm phán của Tòa án nhân dân Tối cao đối với các ông/bà: Nguyễn Văn Dũng, Ngô Tiến Hùng, Nguyễn Biên Thuỳ và Đàm Thị Minh Thuỷ. Nghị quyết có hiệu lực thi hành từ 01/10/2021.

*** Thủ tướng Chính phủ quyết định:**

Bổ nhiệm ông Võ Thành Hưng, Vụ trưởng Vụ Ngân sách Nhà nước (Bộ Tài chính), giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Tài chính.

Bổ nhiệm ông Nguyễn Đức Chi, Tổng Giám đốc Kho bạc Nhà nước, Bộ Tài chính, giữ chức vụ Thứ trưởng Bộ Tài chính.

Phê chuẩn chức danh lãnh đạo Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố:

Phê chuẩn kết quả bầu bổ sung chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Trần Anh Tuấn, Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế nhiệm kỳ 2021-2026 đối với ông Nguyễn Văn Phương, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông: Nguyễn Thanh Bình, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên - Huế nhiệm kỳ 2016 - 2021; Hoàng Hải Minh, Phó Bí thư Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh thành phố Huế nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Phan Quý Phương, Giám đốc Sở Tài chính.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Tấn Tuấn, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông: Lê Hữu Hoàng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2016 - 2021; Đinh Văn Thiệu, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Nguyễn Anh Tuấn, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Lê Tuấn Phong, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông: Phan Văn Đăng, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận nhiệm kỳ 2016 - 2021; Nguyễn Văn Phong, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Thuận nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Nguyễn Minh, Bí thư Huyện ủy Hàm Thuận Nam.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Nguyễn Phi Long, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông: Nguyễn Tuấn Thanh, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2016 - 2021; Lâm Hải Giang, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Nguyễn Tự Công Hoàng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Cao Tiến Dũng, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông/bà: Võ Tấn Đức, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2016 - 2021; Nguyễn Thị Hoàng, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Võ Văn Phi, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Trần Văn Lô, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông/bà: Lâm Hoàng Nghiệp, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2016 - 2021; Vương Quốc Nam, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2016 - 2021; Huỳnh Thị Diễm Ngọc, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng nhiệm kỳ 2016 - 2021.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với ông Huỳnh Quốc Việt, Ủy viên dự khuyết Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy Cà Mau.

Phê chuẩn kết quả bầu chức vụ Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau nhiệm kỳ 2021 - 2026 đối với các ông: Lâm Văn Bi, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau nhiệm kỳ 2016 - 2021; Trần Hồng Quân, Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau nhiệm kỳ 2016 - 2021 và Lê Văn Sử, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau nhiệm kỳ 2016 - 2021.

*** Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh:**

PGS. TS. Phạm Minh Sơn, Phó Giám đốc điều hành Học viện Báo chí và Tuyên truyền được bổ nhiệm giữ chức vụ Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền, kể từ ngày 01/08/2021.

Nguồn: baochinhphu.vn